Ngày soạn: 11/7/2024

**BÀI 6: TRONG THẾ GIỚI CỦA GIẤC MƠ (THƠ)**

**(11 tiết)**

*(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7,5 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0,5 tiết)*

1. ***MỤC TIÊU CHUNG***

**1. Về năng lực:**

**1.1. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

– Năng lực sáng tạo thể hiện qua việc có những kiến giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,...

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm thơ.

- Nhận biết được một số biểu hiện của việc giữ gìn và phát tiển tiếng Việt.

- Viết được VBNL liên quan đến tuổi trẻ (trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ)

- Biết trình bày về 1 vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói;

- Nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình;

- Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ

**3. Về phẩm chất:**

- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

- Chăm chỉ: nghiêm túc, tích cực khi chuẩn bị bài ở nhà, tham gia các hoạt động học tập trên lớp.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết …. - VĂN BẢN 1: ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

*Thời gian thực hiện: 2,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm

**b. Năng lực đặc thù**

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,các biện pháp tu từ,…

Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm thơ.

Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

**2. Về phẩm chất**:

Yêu thương, trân trọng, có trách nhiệm với môi trường xung quanh, đặc biệt là môi trường tự nhiên như núi rừng, sông biển, đồng ruộng,…

Có ý thức chủ động tham gia vào các hoạt động bảo vệ thiên nhiên và lan tỏa ý thức, hành vi tích cực này đến những người xung quanh

Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

- Một số hình ảnh, video có liên quan đến bài học, ví dụ: hình ảnh Hàn Mặc Tử, bản nhạc…..

- Tivi

- Bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT (GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành PHT).

- Bảng biểu, sơ đồ tóm tắt đặc điểm của thơ có yếu tố siêu thực.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và hứng thú cho HS, gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video, đặt câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận, suy nghĩ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tuỳ từng bối cảnh dạy học, GV có thể lựa chọn cách sau (hoặc sáng tạo cách khác):  - Cách 1: GV tổ chức thi giữa các tổ/ nhóm.  Nội dung: Trong 2 phút, hãy liệt kê nhiều nhất có thể tên những tác phẩm viết về mảnh đất cố đô Huế (hoặc về Hàn Mặc Tử). Tổ/ nhóm nào liệt kê được nhiều và đúng nhất sẽ chiến thắng.  - Cách 2: Cho HS nghe đoạn nhạc: <https://www.youtube.com/watch?v=FoLTmhG_reQ> (Bài hát: “Ai ra xứ Huế” – chuẩn giọng Huế - Quang Lê và Ngọc Hạ). Sau đó chia sẻ những hiểu biết của mình về thế giới mộng mơ xứ Huế.  \* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của GV.  \* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu HS trình bày, nhận xét sản phẩm của HS.  \* **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, khen thưởng, biểu dương HS rồi nêu nhiệm vụ học tập: tìm hiểu nội dung, ý nghĩa và biết cách đọc văn bản thơ tự do *Đây thôn Vĩ Dạ*. Từ đó, giáo viên giới thiệu vào bài. | *🠖Khi nhắc đến Huế, chắc hẳn ai cũng biết Huế* Là kinh đô cuối cùng trong thời phong kiến, là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh đi vào thi ca nhạc họa nhiều nhất...  Và Huế vẫn còn có những địa danh đã trở thành nét đẹp, nét gợi cảm đặc trưng, là niềm tự hào của người Huế. Đó là sông Hương, núi Ngự, là thôn Vỹ Dạ, bến Văn Lâu, dốc Nam Giao, cầu Tràng Tiền, chợ Đông Ba, chùa Thiên Mụ. Huế với biết bao lăng tẩm đền đài trầm mặc cổ kính muôn đời, khiến cả đất trời cũng như vương nỗi bùi ngùi thật riêng biệt. Bài học hôm nay chúng ta cùng đặt chân tới xứ Huế mộng mơ trong tiềm thức của nhà thơ Hàn Mặc Tử với bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 1: Tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn***

**1.1. Yếu tố siêu thực trong thơ trữ tình**

***a. Mục tiêu:***Kích hoạt tri thức nền về giấc mơ; bước đầu nhận biết được đặc điểm của thơ có yếu tố siêu thực.

***b. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS vềgiấc mơ và đặc điểm của thơ có yếu tố siêu thực.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS:

(1) Kể lại một giấc mơ của mình và xem xét các hình ảnh trong giấc mơ có mối liên quan nào với nhau hay không sau đó giải thích thế nào là siêu thực.

(2) GV ghi hai câu thơ *Bao giờ mặt nhật tan thành máu/ Và khối lòng tôi cứng tợ si* (Hàn Mặc Tử, *Những giọt lệ*) lên bảng, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh “mặt nhật, máu, si” gợi cho bạn liên tưởng đến điều gì?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình ảnh trong câu thơ** | **Liên tưởng của tôi** |
| *mặt nhật* | … |
| *máu* | … |
| *si* | … |

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

(1) 2 HS trình bày câu trả lời.

(2) 4 HS trả lời, GV ghi tóm tắt ý kiến của HS lên bảng.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS, kết luận vấn đề theo định hướng sau:

(1) Dựa trên câu trả lời của HS và mục *Siêu thực* (SGK/ tr. 5), GV làm rõ khái niệm siêu thực: Sự kì lạ, khác thường, phá vỡ những quy luật thông thường của thực tại, gợi nhắc những bí ẩn, phi logic của những giấc mơ và của những ám ảnh vô thức.

**1.2. Hình tượng và biểu tượng**

***a. Mục tiêu:***Bước đầu phân biệt được hình tượng và biểu tượng.

***b. Sản phẩm*:** Thông tin điền vào bảng so sánh.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS đọc mục *Hình tượng và biểu tượng* (SGK/ tr. 6) và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình tượng** | **Biểu tượng** |
| Khái niệm | … | … |
| Ví dụ (VB *Tây tiến*) | … | … |

\* *Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện2 nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt ý kiến của HS, hướng dẫn HS phân biệt hai khái niệm này:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình tượng** | **Biểu tượng** |
| Khái niệm | Hình ảnh, nhân vật được xây dựng một cách sống động, sáng tạo trong tác phẩm 🡪 thể hiện quan điểm, tư tưởng, ý đồ, tài năng của người nghệ sĩ. | Loại hình ảnh đặc biệt, thông qua hình thức cụ thể, trực quan, gợi lên những tư tưởng, triết lí có ý nghĩa sâu xa. |
| Ví dụ (VB *Tây Tiến*) | Hình tượng người lính Tây Tiến. | Hình ảnh “dáng kiều thơm” biểu tượng cho các thiếu nữ Hà Nội thanh lịch. |

Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo phân công.

\* Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm khác trao đổi và đóng góp ý kiến.

\* Đánh giá, nhận xét: GV đưa ra nhận xét chung.

**NỘI DUNG 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả Hàn Mặc Tử và bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”

**b. Nội dung:** Học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả và văn bản qua SGK và các kênh thông tin khác (Có thể chuẩn bị ở nhà)

**c. Sản phẩm:** HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1: Đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  1 – 2 HS đọc diễn cảm VB, các HS khác nghe bạn đọc và ghi câu trả lời cho thẻ đọc tưởng tượng, đánh dấu các từ ngữ trong VB để trả lời cho các thẻ theo dõi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc VB, sau đó, chia sẻ câu trả lời cho ba câu hỏi ở các thẻ đọc tưởng tượng, theo dõi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Một số HS chia sẻ câu trả lời cho ba câu hỏi ở các thẻ.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  (1) GV nhận xét về kết quả đọc diễn cảm của HS về: tốc độ đọc; mức độ to, rõ, trôi chảy, lưu loát, ngừng nghỉ hợp lí, thể hiện cảm xúc của người viết đối với Lor-ca; nhận xét về thái độ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ HT ở nhà của HS.  (2) GV nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng theo dõi, tưởng tượng*.*  **2. Tác giả**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đã giao việc cho 2 nhóm HS tại nhà:  **++ *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả Hàn Mặc Tử, sưu tầm hình ảnh và những tác phẩm của ông.***  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu HS đại diện nhóm lên trình bày ngắn gọn những thông tin về tác giả Hàn Mặc Tử . HS có thể thiết kế vẽ sơ đồ tư duy trên khổ A0 hoặc tạo trang thông tin cá nhân trên các nền tảng phần mềm như Facebook, TIKTOK…..  + GV mời 1,2 HS nhận xét, bổsung.  - **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại vấn đề:  Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ tiên phong trong phong trào Thơ mới, thế giới văn chương của Hàn Mặc Tử luôn phong phú, đầy màu sắc, mang đậm phong cách cá nhân. Ông đã đưa vào thơ mới sự sáng tạo, hình ảnh ấn tượng. Thế giới nội tâm đa dạng của Hàn Mặc Tử đã mang đến cho nền văn học Việt Nam những tác phẩm “để đời”. Bên cạnh sử dụng bút pháp lãng mạn, ông còn sử dụng bút pháp tượng trưng, bút pháp siêu thực.  **3. Tác phẩm**  **- Bước 1: Giao nhiệm vụ**: **Tìm hiểu về văn bản *Đây thôn Vĩ Dạ***  + Từ những thông tin em tìm hiểu được, hãy trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ ?  + Nêu xuất xứ, thể loại và bố cục của bài thơ.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** : Hs trả lời câu hỏi theo những yêu cầu đã được chuẩn bị  **- Bước 3: Báo cáo, Thảo luận**: Gv gọi Hs trình bày  **- Bước 4: Kết luận**: Gv củng cố, bổ sung, chốt lại vấn đề:  Ban đầu bài thơ có tên *“Ở đây thôn Vĩ Dạ”* về sau đổi thành *“Đây thôn Vĩ Dạ”*. Theo một số tài liệu, bài thơ được gợi cảm hứng từ tấm bưu thiếp vẽ phong cảnh Huế có người chèo đò trên sông Hương với lời thăm hỏi chúc thi sĩ mau bình phục của Hoàng Thị Kim Cúc - một cô gái ở thôn Vĩ Dạ gửi cho ông khi ông đang dưỡng bệnh ở Quy Hòa. | 1. **Tìm hiểu chung**   **1. Đọc**  **2. Tác giả**  Nguyễn Trọng Trí (1912 - 1940)  \* Cuộc đời  - Sinh tại Đồng Hới trong một gia đình công giáo nghèo  - Sau khi học trung học, ông làm công chức ở Bình Định, làm báo ở Sài Gòn  - Mắc bệnh phong từ năm 1936, mất tại trại phong Quy Hoà, Quy Nhơn.  → Cuộc đời bệnh tật, ngắn ngủi  \* Sự nghiệp văn chương  - Bút danh: Phong Trần, Lệ Thanh, Hàn Mặc Tử…  Có sức sáng tạo dồi dào, mãnh liệt  Phong cách thơ:  độc đáo, bí ẩn, phức tạp; chứa đựng tình yêu tha thiết đến đau đớn với con người và cuộc sống.  → Có vị trí đặc biệt trong phong tào Thơ mới (1932-1942)  **3. Tác phẩm**  ***- Xuất xứ:*** Bài thơ được sáng tác năm 1938, in trong tập *“Thơ Điên”*, sau đổi thành “*Đau thương”*  - **Hoàn cảnh sáng tác**:  -Thi sĩ từ Sài Gòn về Quy Nhơn – biết rõ căn bệnh hiểm nghèo.  -Thi sĩ nhận được lá thư thăm hỏi cùng tấm ảnh phong cảnh sông nước xứ Huế - lá thư của Hoàng Cúc – người thiếu nữ ông thầm thương trộm nhớ.  **- Bố Cục:**  + Khổ 1: cảnh Thôn Vĩ buổi sáng sớm và niềm hy vọng tình yêu, hạnh phúc.  + Khổ 2: Cảnh xứ Huế lúc đêm tối và nỗi buồn chia xa.  + Khổ 3: Hình ảnh người xứ Huế, cảnh mộng và nỗi hoài nghi tuyệt vọng. |

**Khám phá văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố siêu thực.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho các câu hỏi trong SGK

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yếu tố hình tượng, ngôn ngữ, yếu tố siêu thực trong bài thơ.**  **GV hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản**  \* **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ:  **Nhóm 1**: điền thông tin vào PHT để trả lời câu 1:  1.Lời nói ở dòng thơ đầu tiên là lời của ai với ai?  2. Hình dung về cảnh và người thôn Vĩ như thế nào?  **Nhóm 2**  HS điền vào bảng sau (câu 2)   |  |  | | --- | --- | | Cảnh sông nước mà tôi từng biết:  .............................. | Cảnh sông nước trong bài thơ:  .................................... | | Ý nghĩa từ “kịp” trong cảm quan của chủ thể trữ tình:  ....................................................... | |   **Nhóm 3:** HS thảo luận về câu 3.  **Nhóm 4:** HS thảo luận về câu 6.  \***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu học tập để thực hiện nội dung làm việc nhóm.  (Hoàn thành Phiếu học tập)  \* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện Hs của từng nhóm báo cáo  Các thành viên còn lại của các nhóm bổ sung, thảo luận  \* **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV định hướng, gọi HS bổ sung, nhận xét, chốt vấn đề.  Gv có thể bổ sung thêm:  “Khách đường xa” ở khổ thơ cuối có thể là người con gái mà chủ thể trữ tình thương nhớ, người mà anh luôn “mơ” đến. Từ không gian “ở đây” mịt mù sương khói, chủ thể trữ tình dõi nhìn ra không gian “đường xa”. Những hình ảnh trong khổ thơ này tràn ngập những đường nét cụ thể bị xoá mờ (*đường xa*), sự cách trở đến gần như xa lạ, mất mát (*nhìn không ra*), sự mịt mờ khiến con người không còn nhận ra nhau (*sương khói mờ nhân ảnh*), cặp đại từ “anh – em” thân thương đã trở thành “khách đường xa” và đại từ “ai – ai” đầy xa cách. Từ đó, có thể thấy dường như sự tin tưởng, nhớ thương giữa chủ thể trữ tình và “em” đã dần phai nhạt và trở thành nỗi lo âu về sự chia li, mất mát không thể tránh khỏi.  **Nhiệm vụ 2:** **Xác định chủ đề, cảm xúc, thông điệp bài thơ**  \* **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ cho các bạn trong lớp: “Tôi là Hàn Mặc Tử” sau đó trả lời những câu hỏi 4.  Thảo luận theo nhóm nhỏ, 2 bàn 1 nhóm tìm hiểu về chủ đề, thông điệp thông qua việc trả lời câu hỏi 5,7  \***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ hoàn thành vào phiếu học tập.  \* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện Hs của từng nhóm báo cáo  Các thành viên còn lại của các nhóm bổ sung, thảo luận  \* **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV định hướng, gọi HS bổ sung, nhận xét, chốt vấn đề.  **Câu 4:** Câu hỏi thứ nhất: Câu hỏi và cũng là lời mời mọc, pha chút trách móc nhẹ nhàng của người con gái thôn Vĩ; thể hiện tình cảm thân mật, trân trọng, quý mến.  Câu hỏi thứ hai: Câu hỏi mang cảm xúc lo âu, xót xa của chủ thể trữ tình trước sự chia lìa, tan vỡ của vạn vật.  Câu hỏi thứ ba: Câu hỏi mang cảm xúc hoang mang, cô đơn, đầy tổn thương và mất mát của chủ thể trữ tình trước sự xa cách của những người mình yêu thương, nhớ nhung.  **Câu 5:** Về ngoại cảnh, sự biến đổi đột ngột từ cảnh vườn tược buổi sáng sớm, tươi xanh, tràn đầy sức sống, đến cảnh sông nước đêm khuya lặng lẽ, hiu hắt và cuối cùng là một không gian “ở đây” mịt mờ sương khói, không rõ ở thời điểm nào trong ngày.  Về cảm xúc của chủ thể trữ tình, sự biến đổi đột ngột từ hạnh phúc, tươi vui đến lo lắng, bất an và cuối cùng là đau buồn, thất vọng, cô độc.  **Câu 7:** Chủ đề của bài thơ: Vẻ đẹp của thôn Vĩ Dạ trong những hình dung đầy thương nhớ, lo âu và đau thương của một con người mãi mãi không còn dịp trở lại.  Những chi tiết thể hiện chủ đề: Vườn thôn Vĩ đẹp một cách hư ảo với nắng hàng cau, lá xanh và gương mặt phúc hậu của người thôn Vĩ; bến sông thôn Vĩ hư hư thực thực với gió và mây, dòng nước lặng lẽ, hoa bắp lay và con thuyền chở đầy ánh trăng; cô gái thôn Vĩ đẹp trong trắng, thanh khiết đến gần như xa lạ, gần như không có thực, khiến chủ thể trữ tình càng xót xa, đau đớn về tình yêu tuyệt vọng của mình. | 1. **Khám phá văn bản**   ***1.Yếu tố ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố siêu thực trong bài thơ.***  **2.1. Ngôn ngữ, hình tượng trong bài thơ**  **Khổ 1**  - “*Sao anh....”*: Câu hỏi tu từ nhiều sắc thái: lời  trách nhẹ nhàng hay cũng là lời  mời gọi tha thiết**.**  - Cảnh thôn Vĩ: vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng:  + vẻ đẹp của nắng hàng cau - nắng mới lên gợi đúng đặc điểm của cái nắng miền Trung: nắng nhiều và chói chang , rực rỡ lúc hừng đông.   + Vẻ đẹp mượt mà, tươi tốt ,dầy sức sống *Vườn ai mướt qua, xanh như ngọc*.  - *Lá trúc* .... *mặt chữ điền:* bóng dáng con người xuất hiện tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi  **Khổ 2:**  **- Thiên nhiên:**  **+ Hình ảnh *gió >< mây*: gợi sự xa cách, chia lìa.**  **+ Dòng nước - nhân hoá: mang tâm trạng buồn.**  **+Chữ *kịp*: khát vọng mong chờ mãnh liệt trong thời gian nhất định – *Tối nay*, không phải một tối khác.**  ***=>Hình ảnh thơ có sự hoà quyện giữa thực và ảo. Qua đó thể hiện khát vọng, tình yêu hạnh phúc, khát vọng tình người sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ.***  **Khổ 3:**  **Điệp ngữ “*khách đường xa*” nhanh, gấp gáp gợi sự xa xôi, cách trở của khách.**  **Hình ảnh: *áo em / trắng quá nhìn không ra ->* mờ nhoà, không rõ nét.**   * 1. **Yếu tố siêu thực**   – *Gió theo lối gió, mây đường mây*  *\_Thuyền chở trăng*  =>Thể hiện sự kết hợp giữa những hình ảnh vốn dĩ rất khác biệt, ít khi đi liền nhau, tạo nên một không gian phi hiện thực  \_Sự kết hợp của những hình ảnh xa nhau tạo liên tưởng bất ngờ: Hình ảnh vườn buổi sớm, bến sông đêm khuya và một nơi chốn “ở đây” không xác định ca về không gian thời gian, đặt liền nhau =>Trong không gian “ở đây” đầy cô độc, chủ thể trữ tình hình dung bản thân được “về chơi” ở thế giới bên ngoài, tìm lại những vẻ đẹp tươi mát, rực rỡ của thế giới đó, nhưng rồi vẫn ám ảnh về sự chia lìa, mất mát và cuối cùng lại bị những nỗi đau, lo âu, sợ hãi của bản thân kéo trở về với thế giới cô độc của riêng mình.  2. ***Chủ đề, cảm xúc, thông điệp***  - Chủ đề của bài thơ: Vẻ đẹp của thôn Vĩ Dạ trong những hình dung đầy thương nhớ, lo âu và đau thương của một con người mãi mãi không còn dịp trở lại.  -Cảm xúc của tác giả: sự biến đổi đột ngột từ hạnh phúc, tươi vui đến lo lắng, bất an và cuối cùng là đau buồn, thất vọng, cô độc  - Thông điệp: Cần phải trân trọng, yêu thương cuộc sống. Phê phán một bộ phận giới trẻ có tư tưởng bi quan, chán nản, mất phương hướng |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

**b. Sản phẩm:** Trình bày miệng

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - NV1: GV yêu cầu HS tổng kết ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ tổng kết ý nghĩa, nghệ thuật | **III. Tổng kết**  - Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uổn khúc của nhà thơ.  - Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..  - Thi pháp Hàn Mặc Tử: Kết hợp giữa tả thực – tượng trưng, lãng mạn, thực – siêu thực |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** HS  vận dụng kiến thức, kĩ năng trả lời trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:**đáp án trắc nghiệm của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  Trả lời câu hỏi trắc nghiệm  **Câu 1 : Câu nào dưới đây không nói về cuộc đời của Hàn Mặc Tử?**  A. Tuy sinh ra trong 1 gia đình giàu có nhưng Hàn Mặc Tử lại gặp nhiều bất hạnh.  B. Tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, làm thơ lấy các bút danh là Hàn Mặc Tử, Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh.  C. Sinh năm 1912 tại huyện Phong Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay thuộc Quảng Bình), mất năm 1940 tại Quy Nhơn.  D. Sinh ra trong một gia đình viên chức nghèo theo đạo Công giáo, có hai năm học trung học ở trường Pe-lơ-ranh.  **Câu 2 : Sắc thái cảm xúc chủ đạo toát ra từ bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ cuối của bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” không phải là sắc thái nào sau đây ?**  A. Nhớ thương, vô vọng  B. Khát khao, vô vọng  C. Hoài nghi  D. Tuyệt vọng  **Câu 3: Hình ảnh “nắng mới lên” trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ là cái nắng như thế nào?**  A.Nắng đầu tiên của một ngày mới  B.Nắng trong trẻo, tinh khôi  C.Nắng gay gắt, chói chang  D. A và B đúng  Câu 4: **“Lá trúc che ngang mặt chữ điền”.Con người thôn Vĩ xuất hiện mang vẻ đẹp:**  A. Kín đáo, dịu dàng  B. Vui tươi, tràn đầy sức sống  C. Tinh tế, sâu sắc  D. Tất cả các đáp án trên  **Câu 5: “Thuyền ai đậu bến sông trăng đó. Có chở trăng về kịp tối nay”**  **Câu hỏi trên thể hiện tâm trạng gì của tác giả?**  A. Sự chờ đợi  B. Sự thất vọng  C. Sự hoài nghi  D. A và B đúng | **Đáp án**  **Câu 1: A**  **Câu 2: D**  **Câu 3: D**  **Câu 4: A**  **Câu 5: D** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS giải quyết vấn đề thực tiễn.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**

- **NV1**: Từ nội dung bài thơ, em hãy rút ra bài học có ý nghĩa.

**-NV2**: Vẽ lại phong cảnh thôn Vĩ hoặc sơ đồ tư duy cho bài học.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, sẵn sàng thảo luận.

**\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**

HS viết ý kiến cá nhân vào vở

Chia sẻ bài làm với cả lớp. HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).

Nếu chưa xong sẽ tiếp tục thực hiện ở nhà.

**\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**

GV nhận xét, đánh giá chốt lại

-NV2: Sáng tác thơ, văn, vẽ tranh, nhạc để thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của mình sau khi học bài thơ.

**3. SAU KHI HỌC**

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả

**- Chuẩn bị bài:** .....

**RÚT KINH NGHIỆM**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: ………

**Tiết …. - VĂN BẢN 2: *ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA* (Thanh Thảo)**

*Thời gian thực hiện:2.5 tiết*

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,các biện pháp tu từ,…

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm thơ.

- Phân tích được hình tượng nhà thơ Lorca được thể hiện trong bài thơ.

- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

**1.2. Năng lực chung**

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

**-** Chăm chỉ, nhân ái, yêu nước.

- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

**II.THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Một số hình ảnh, video có liên quan đến bài học, ví dụ: hình ảnh Lorca, đàn ghi ta, vũ nữ Di gan, điệu tango, đấu trường bò tót, hoa tử đinh hương…

- Máy chiếu, loa

- Bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT (GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành PHT).

- Bảng biểu, sơ đồ tóm tắt đặc điểm của thơ có yếu tố siêu thực.

**III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

- Hoàn thành sản phẩm nhóm cùng các thành viên, theo các nội dung sau:

**PHIẾU HỌC TẬP 1: MỘT SỐ YẾU TỐ CỦA THƠ TRỮ TÌNH HIỆN ĐẠI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Từ ngữ, hình ảnh gợi tả hình tượng nhà thơ Lor-ca🡪 Nhận xét nét độc đáo của từ ngữ, hình ảnh | Một số biểu tượng trong bài thơ🡪 lí giải ý nghĩa của các biểu tượng đó | Nhận xét về nhạc điệu, cách gieo vần, các biện pháp tu từ của bài thơ. | Yếu tố tượng trưng và yếu tố siêu thực trong bài thơ. |
|  |  |  |  |

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.  Mục tiêu:**:

 - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích học sinh chú ý đến chủ đề, nội dung sẽ học trong văn bản.

**b. Nội dung:** kết nối để học sinh có những ấn tượng, cảm xúc ban đầu về hình tượng nhân vật Lorca trong bài thơ.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tham gia phần khởi động  - HS theo dõi clip và bài hát *Đàn ghi ta của Lorca* – nhạc Thanh Tùng, trình bày Thế Hiển  - HS suy nghĩ trả lời một số câu hỏi: (think – share)  + Bài hát này gợi cho bạn cảm xúc gì?  + Hãy nêu một số từ ngữ nói về hình tượng Lorca trong bài hát mà bạn cảm nhận được  + Bạn tưởng tượng về hình tượng Lorca qua bài thơ của Thanh Thảo sẽ như thế nào?  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  - GV tổ chức hoạt động.  - HS xung phong trả lời câu hỏi. Hoặc GV gọi ngẫu nhiên 2-3 HS chia sẻ.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Giáo viên tổng hợp các ý kiến của học sinh và dẫn dắt vào bài học. | *Mặt trời hồng trên cát nóng Espanha, Là tiếng đàn ghi ta của Lorca. Giọt lệ nào ướt đẫm áo choàng đỏ thắm Espanha, Hay giọt buồn ghi ta của Lorca.*  *…Lorca Garcia, anh đã chết với cây đàn ghi ta,*  *Lorca Garcia, lời anh vang mãi trong tâm hồn chúng ta,*  *Trong trái tim của những người yêu nước,*  *Và trong mắt xanh của bao niềm mơ ước,*  *Trong bước chân người vũ nữ,*  *Và trong tiếng ca người nghệ sĩ giang hồ,*  *Nếu tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta.* |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a.  Mục tiêu:**

- Đọc VB và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi thực hiện các yêu cầu trong *Đọc VB*; chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Đọc VB.*

*-* Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm;

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,các biện pháp tu từ,…

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm thơ.

- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

**b. Nội dung:** tổ chức các hoạt động cho học sinh đọc – hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm:** phiếu học tập,

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ TÁC PHẨM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ:  Dựa trên PHT 1 đa chuẩn bị ở nhà, HS trình bày hồ sơ tác giả tác phẩm thông qua hình thức: Café &Văn chương. 1 bạn đóng vai một nhà thơ trẻ, 1 bạn đóng vai nhà thơ Thanh Thảo để thực hiện cuộc chuyện trò thân mật về:  **PHIẾU HỌC TẬP 2: HỒ SƠ TÁC GIẢ - TÁC PHẨM**   |  |  | | --- | --- | | - Tác giả Thanh Thảo | | | - Tác phẩm *Đàn ghi ta của Lorca:* | | | + Thể thơ |  | | + Đề tài |  | | + Chủ đề |  | | + Nhân vật trữ tình |  | | + Bố cục |  | | + Mạch cảm xúc |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi cặp đôi chuẩn bị thuyết trình.  - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 2 HS bất kì (hoặc xung phong) đóng vai thể hiện nội dung vừa thảo luận.  - Các HS khác quan sát, lắng nghe và nhận xét đánh giá, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả (SGK/11)**  **2. Tác phẩm**  - Thể thơ: tự do  - Đề tài: Cuộc đời và cái chết bi thảm của nhà thơ Federico Garcia Lorca; Nỗi xót thương, tiếc nuối trước sự ra đi của Lorca và bày tỏ niềm tin vào sức sống bất diệt của nghệ thuật chân chính.  - Chủ đề:  + Ca ngợi Lor-ca - người nghệ sĩ tài ba, dũng cảm, hi sinh vì nghệ thuật và lý tưởng.  + Khẳng định giá trị và sức sống bất diệt của nghệ thuật chân chính trước sự tàn bạo của chế độ độc tài.  + Bày tỏ niềm tin vào tương lai tươi sáng của nghệ thuật và con người.  - Nhân vật trữ tình: "Lorca" - nhà thơ Federico Garcia Lorca, nhân vật trung tâm của bài thơ.  - Bố cục:  **+** Phần 1: (6 dòng đầu) Hình ảnh người nghệ sĩ tự do, cô độc trong bối cảnh không gian rộng lớn.  **+** Phần 2: (16 dòng tiếp theo) Hình ảnh Lor-ca bị hạ sát và niềm xót xa, tiếc thương của tác giả.  + Phần 3: (phần còn lại) Hình ảnh bất tử của Lor-ca.  - Mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai từ sự cảm thương với người nghệ sĩ đơn độc đến sự xót xa, tiếc thương của tác giả đối với cái chết của Lor-ca và niềm tin vào sự bất tử của ông. |

**NỘI DUNG 2. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Nhiệm vụ 1: Đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  1 – 2 HS đọc diễn cảm VB, các HS khác nghe bạn đọc và ghi câu trả lời cho thẻ đọc tưởng tượng, đánh dấu các từ ngữ trong VB để trả lời cho các thẻ theo dõi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc VB, sau đó, chia sẻ câu trả lời cho ba câu hỏi ở các thẻ đọc tưởng tượng, theo dõi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Một số HS chia sẻ câu trả lời cho ba câu hỏi ở các thẻ.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  (1) GV nhận xét về kết quả đọc diễn cảm của HS về: tốc độ đọc; mức độ to, rõ, trôi chảy, lưu loát, ngừng nghỉ hợp lí, thể hiện cảm xúc của người viết đối với Lor-ca; nhận xét về thái độ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ HT ở nhà của HS.  (2) GV nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng theo dõi, tưởng tượng*.*  **\*Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**  ***Tìm hiểu một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực***  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm chia sẻ nội dung  Chia lớp thành 2 cụm, mỗi cụm 4 nhóm, mỗi nhóm 4-5 HS (hoặc nhiều hơn). 2 cụm thực hiện nhiệm vụ giống nhau.  Thảo luận, chia sẻ *một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực*qua việc hoàn thành phiếu học tập:  \*Nhóm chuyên gia (5 phút)  Nhóm 1: Từ ngữ, hình ảnh gợi tả hình tượng nhà thơ Lor-ca🡪 Nhận xét nét độc đáo của từ ngữ, hình ảnh  Nhóm 2: Một số biểu tượng trong bài thơ🡪 lí giải ý nghĩa của các biểu tượng đó  Nhóm 3: Nhận xét về nhạc điệu, cách gieo vần của bài thơ.  Nhóm 4: Chỉ ra yếu tố tượng trưng và yếu tố siêu thực trong bài thơ.  \*Nhóm ghép (15phút)  GV đưa ra những tiêu chí đánh giá hoạt động của HS (class123)  **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ  Hs tiếp nhận nhiệm vụ, mỗi HS tương ứng với số từ 1-5, sẵn sàng thực hiện, di chuyển, thay đổi trạng thái.  Di chuyển đến nhóm mới và thực hiện nhiệm vụ (vòng nhóm ghép)    **Bước 3**: Baó cáo kết quả  - HS trao đổi, thống nhất nội dung của nhóm.  - HS di chuyển sang nhóm ghép, lần lượt chia sẻ nội dung đã thực hiện ở vòng chuyên gia.  - Ghi chép, hoàn thành các nội dung trong phiếu HT  - GV quan sát, theo dõi, điều hướng hoạt động báo cáo của học sinh.  **-** GV mời bất kì một vài học sinh chia sẻ nội dung vừa được tìm hiểu bằng ***beeclass*** hoặc ***class123.*** HS còn lại đánh giá PHT theo các tiêu chí GV đã đưa ra.  **Bước 4**: Đánh giá, kết luận   * HS đánh giá cho nhau theo tiêu chí * Gv nhận xét, chốt kiến thức.   ***Tìm hiểu cảm xúc, tư tưởng, thông điệp***  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:** Thảo luận nhóm: **kĩ thuật Khăn trải bàn**  (5 phút) thảo luận nội dung về cảm xúc, tư tưởng, thông điệp.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ, sẵn sàng thảo luận, ghi chép  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS hoạt động cá nhân, ghi ngắn gọn (các từ khoá) về cảm xúc, tư tưởng, thông điệp.  Nhóm 4 HS thống nhất nội dung vào ô giữa KTB.  GV mời nhóm nhanh nhất thuyết trình. Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung, tranh luận. Sau đó, các nhóm chuyển chấm chéo sản phẩm.  **\*Bước 4:Đánh giá kết quả:**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**   1. **Đọc văn bản**   **2. Khám phá văn bản**  **2.1. *Tìm hiểu một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại***  a. Từ ngữ, hình ảnh gợi tả hình tượng nhà thơ Lor-ca   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Nét độc đáo của từ ngữ, hình ảnh** | | *áo choàng đỏ gắt*  *lang thang về miền đơn độc*  *trên yên ngựa mỏi mòn*  *…* | Vừa gợi tả hình ảnh dũng mãnh của Lor-ca trong chiếc áo choàng đỏ của các dũng sĩ đấu bò, vừa gợi tả hình ảnh người nghệ sĩ tự do, cô độc trong không gian rộng lớn. | | *áo choàng bê bết đỏ*  *chàng đi như người mộng du*  *…* | Gợi tả nỗi xót xa, tiếc thương của tác giả đối với cái chết của Lor-ca, đồng thời gợi lên hình ảnh bi tráng của người nghệ sĩ. |   b. Biểu tượng:  –*Áo choàng đỏ gắt*: Biểu tượng cho người dũng sĩ đấu bò, cũng là biểu tượng cho người nghệ sĩ Lor-ca trong cuộc đấu tranh cho khát vọng dân chủ, cho những cách tân trong nghệ thuật.  – *Tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta xanh lá, tiếng ghi ta tròn bọt nước, chiếc ghi ta màu bạc*: Biểu tượng cho những cách tân trong nghệ thuật của Lor-ca.  – Hành động ném lá bùa vào xoáy nước, ném trái tim vào lặng yên: Biểu tượng cho sự hi sinh vì nghệ thuật của người nghệ sĩ, đồng thời cũng có thể là biểu tượng của sự giải thoát cho Lor-ca khỏi những đau khổ của trần gian.  c. Nghệ thuật:  Biện pháp tu từ: điệp từ, ẩn dụ.  Nhịp điệu: Các dòng thơ được viết theo lối vắt dòng, câu thơ dài, ngắn khác nhau. Khổ thơ thứ hai gần như không có vần (chỉ có 2/6 dòng dùng vần thông (*ngao – hoang*), nhạc điệu có phần trúc trắc, gợi tả sự kinh hoàng khi Lor-ca bị bắn). Khổ thơ thứ ba sử dụng điệp ngữ (*tiếng ghi ta*) và cách gieo vần chân (*ấy – mấy*), nhạc điệu có phần du dương, vang xa, gợi tả sự trường tồn của nghệ thuật của Lor-ca.  d. Yếu tố tượng trưng, siêu thực   |  |  | | --- | --- | | Tượng trưng | Siêu thực | | Sự tương giao giữa thính giác – thị giác: *tiếng đàn – bọt nước.* | *– … miền đơn độc*  *với vầng trăng chếnh choáng*  *– bầu trời cô gái ấy*  *– dòng sông rộng vô cùng*  *Lor-ca bơi sang ngang*  *trên chiếc ghi ta màu bạc* | | *– Áo choàng đỏ gắt*: Biểu tượng cho dũng sĩ đấu bò, cho người nghệ sĩ trong cuộc đấu tranh cho tự do và cách tân trong nghệ thuật.  *– Tiếng ghi ta nâu, xanh lá, tròn bọt nước, chiếc ghi ta màu bạc*: Biểu tượng cho những cách tân trong nghệ thuật của Lor-ca, sức sống bất diệt của nghệ thuật và những nỗi đau bất tận trong tâm hồn nghệ sĩ. | Sự kết hợp của những hình ảnh xa nhau tạo liên tưởng bất ngờ: *buổi sáng* – *vỡ* – *bình yên*; *mũi tên* – *vô đích*; *hoàng hôn* – *thiếu vắng ban mai*; *hạt cát miền Nam bỏng rát* – *xót xa than lạnh giá sắc sơn* *trà*;… | | Âm thanh tiếng đàn “li-la li-la li-la”: gợi tả âm thanh vang mãi, không dứt. |  |   ***2.2. Cảm xúc, tư tưởng, thông điệp***  - Cảm xúc của tác giả: Nỗi xót thương và tiếc nuối; ngưỡng mộ và tôn vinh, căm phẫn và uất hận, Khát vọng về hòa bình và tự do…  - Tư tưởng của bài thơ: Sự nhận thức của Thanh Thảo về số phận bi kịch của người nghệ sĩ, về sự dâng hiến của người nghệ sĩ cho cuộc đời.  - Thông điệp:  + Sự bất tử của nghệ thuật; đồng cảm sâu sắc đối với con người phải chịu đựng đau khổ;  + Cần phải trân trọng cuộc sống và đấu tranh chống lại mọi thế lực đen tối đe dọa đến sự sống của con người;  + Dù hiện tại còn nhiều đau khổ và bất công nhưng vẫn luôn có niềm tin vào tương lai tươi sáng;  + Tinh thần yêu nước, yêu quê hương; kiên cường bất khuất trước kẻ thù;  + Nghệ thuật có thể giúp con người xích lại gần nhau hơn và tạo nên một cuộc sống tốt đẹp hơn.  +… |

**NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu**: tổng kết bài học

**b. Nội dung:** tổng kết nội dung và nghệ thuật văn bản

**c. Sản phẩm:** trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - NV1: GV yêu cầu HS tổng kết nội dung, nghệ thuật văn bản.  - NV2: GV yêu cầu HS nhắc lại một số lưu ý về cách đọc VB thơ trữ tình có yếu tố tượng trưng siêu thực (đã được rút ra ở bài học trước – *Đây thôn Vĩ Dạ)*  Thời gian chia sẻ: 3 phút  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ tổng kết nội dung, nghệ thuật  - HS thực hiện nhiệm vụ 2 theo hướng dẫn (kĩ thuật lẩu băng chuyền)  + Nhận nhiệm vụ: Hs làm cá nhân trong 3 phút.  + Tạo xích: Hai bạn ngồi đối diện trao đổi với nhau.  + Chuyển cặp trong nhóm:    Lần 1: Hai bạn ngồi đối diện trao đổi với nhau (90s)  Lần 2: Hai bạn ngồi đối diện trao đổi với nhau 90s)  Lần lượt chuyển cặp và trao đổi đến hết các cặp.  + Về vị trí ban đầu: HS di chuyển theo xích để về vị trí ban đầu (10s).  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS đứng tại chỗ trả lời nội dung, nghệ thuật (trình bày 1 phút) + Thực hiện lẩu băng chuyền theo sơ đồ.  GV kiểm tra HS bất kì.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  - GV nhận xét hoạt động.  - GV chốt lại kiến thức. | **III. Tổng kết**  ***1* Nội dung:**  Bài thơ “Đàn ghi ta của Lor-ca” viết về cái chết của Lor-ca, nhà thơ, họa sĩ, nhà viết kịch, nhà hoạt động sân khấu thiên tài người Tây Ban Nha. Qua bài thơ Thanh Thảo muốn bộc lộ sự thương xót, tiếc nuối với cái chết của Lor-ca và những cách tân nghệ thuật của ông.  **2 Nghệ thuật:**   * hể thơ tự do, hình ảnh tượng trưng, siêu thực, biện pháp tu từ,… * Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình, giữa nhạc và thơ, giữa màu sắc thơ phương Đông và chất bi tráng trong nhạc giao hưởng phương Tây.   ***3*** ***Một số lưu ý về cách đọc VB thơ trữ tình có yếu tố tượng trưng siêu thực***  – Phân tích bố cục, Phân tích nét độc đáo của kết cấu tác phẩm.  – Phân tích từ ngữ, hình ảnh:  + Tìm và phân tích những hình ảnh, từ ngữ thể hiện sự chuyển đổi giữa các giác quan.  + Tìm và suy luận ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh gợi lên những ý niệm trừu tượng, giàu tính triết lí.  + Tìm và phân tích sự kết hợp sử dụng những từ ngữ, hình ảnh rất xa nhau, khó liên kết với nhau – Phân tích nhạc điệu và vai trò của nhạc điệu trong việc thể hiện nội dung bài thơ.  - Phân tích nhạc điệu và vai trò của nhạc  điệu trong việc thể hiện nội dung bài thơ.  - Xác định mạch cảm xúc, tình cảm, cảm hứng chủ đạo.  – Rút ra chủ đề, thông điệp 🡪 làm rõ chủ đề, thông điệp được thể hiện qua những yếu tố hình thức. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** HS  vận dụng kiến thức, kĩ năng trả lời trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:**đáp án trắc nghiệm của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  Trả lời câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1 :**Hai câu đầu bài thơ “Đàn ghi ta của Lor – ca” được diễn đạt lạ hóa như thế nào?  A. Tiếng đàn được cảm nhận bằng thị giác  B. Tiếng đàn được cảm nhận bằng xúc giác  C. Tiếng đàn được cảm nhận bằng thính giác  D. Đáp án A và B  **Câu 2 :**  “những tiếng đàn bọt nước  Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt”  Hai câu thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  A. Hoán dụ  B. Nhân hóa  C. Ẩn dụ  D. Đáp án B và C  **Câu 3:**  “bỗng kinh hoàng  Áo choàng bê bết đỏ”  Hai câu thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?  A. Nhân hóa  B. Hoán dụ  C. Ẩn dụ  D. So sánh  **Câu 4 :**Nội dung sau đúng hay sai?  “không ai chôn cất tiếng đàn / tiếng đàn như cỏ mọc hoang: Khi Lor – ca chết đi, nền nghệ thuật Tây Ban Nha thiếu vắng kẻ dẫn đường, như cỏ mọc hoang. Đồng thời , tác giả Thanh Thảo đã so sánh sức sống nghệ thuật của Lor – ca như cỏ mọc hoang, sức sống mãnh liệt và lưu truyền mãi”.  A. Đúng  B. Sai  **Câu 5:** Hình ảnh tiếng đàn ẩn dụ cho  A. tài năng và số phận của Lor-ca.  B. tình yêu của Lor-ca  C. Những suy tư, trăn trở của Lor-ca  D. tài năng của Lor-ca.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát, hướng dẫn HS thực hiện (nếu cần thiết).  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS trả lời theo tổ bằng hình thể, tổ nào nhanh nhất và đồng đều nhất được ghi điểm.  **\*Bước 4:Đánh giá kết quả:**  GV nhận xét, đánh giá. | **Đáp án**  **Câu 1: A**  Hình ảnh Lor – ca xuất hiện gắn với tiếng đàn, mà tiếng đàn tan ra thành “bọt nước”. Cách diễn đạt lạ hóa, tiếng đàn vốn được cảm nhận bằng thính giác thì Thanh Thảo đã diễn tả nó bằng thị giác (đây là cách nhà thơ siêu thực thường dùng), gợi sự mong manh, dễ vỡ của những tiếng đàn.  Câu 2: C  “áo choàng đỏ gắt”  - Hình ảnh thực: gợi môn đấu bò tót – một nét sinh hoạt văn hóa của đất nước Tây Ban Nha  - Hình ảnh ẩn dụ: đấu trường chính trị quyết liệt, ở đó diễn ra cuộc đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ đối với bọn phát xít và cuộc đấu tranh cách tân nghệ thuật già nua.  CÂU 3: B  “áo choàng bê bết đỏ”  - Hình ảnh hoán dụ “áo choàng bê bết đỏ”  ⇒ Gợi cái chết đầy bi thảm của Lor – ca.  ⇒ Diễn tả lại giây phút kinh hoàng của Lor – ca: người nghệ sĩ đang tự do trên con đường cách tân nghệ thuật và đấu tranh cho khát vọng tự do thì bị bọn phát xít bắt và giết hại.  CÂU 4: A  - “*không ai chôn cất tiếng đàn / tiếng đàn như cỏ mọc hoang* ”: Khi Lor – ca chết đi, nền nghệ thuật Tây Ban Nha thiếu vắng kẻ dẫn đường, như *cỏ mọc hoang*. Đồng thời , tác giả Thanh Thảo đã so sánh sức sống nghệ thuật của Lor – ca như *cỏ mọc hoang*, sức sống mãnh liệt và lưu truyền mãi. Tiếng đàn tượng trưng cho nghệ thuật, là khát vọng nghệ thuật mà cả đời Lor – ca theo đuổi, là cái đẹp mà mọi thế lực đều không thể hủy diệt được.  Câu 5: A |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS giải quyết vấn đề thực tiễn.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - NV1: Hãy chia sẻ: Sau khi học bài thơ, em sẽ làm gì để thể hiện lòng yêu nước, yêu quê hương và tinh thần học tập tốt?  -NV2: Sáng tác thơ, văn, vẽ tranh, nhạc để thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của mình sau khi học bài thơ.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ, sẵn sàng thảo luận.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS viết ý kiến cá nhân vào vở  Chia sẻ bài làm với cả lớp. HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).  Nếu chưa xong sẽ tiếp tục thực hiện ở nhà.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  GV nhận xét, đánh giá chốt lại | Sau khi học bài thơ, em sẽ:  - Học tập tốt hơn để góp phần xây dựng quê hương đất nước.  - Rèn luyện bản thân để trở thành một người có ích cho xã hội.  - Luôn yêu thương và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.  - Tham gia các hoạt động xã hội để thể hiện lòng yêu nước, yêu quê hương. |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.

- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả

**- Chuẩn bị bài:** .....

**RÚT KINH NGHIỆM**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày soạn**: …………………….

**Tiết:**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *SAN-VA-ĐO ĐA-LI VÀ “SỰ DAI DẲNG CỦA KÍ ỨC”***

**Thời gian: 0,5 tiết**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số nội dung chính của VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Đây thôn Vĩ Dạ*, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, *Tự do* để hiểu rõ hơn về chủ điểm *Trong thế giới của giấc mơ.*

- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

**1.2. Năng lực chung**

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

**-** Chăm chỉ, nhân ái, yêu nước.

- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Kết nối internet

- Sách giáo khoa Sách BT Ngữ văn 11 và các tài liệu tham khảo khác

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Sản phẩm của cá nhân/nhóm trong quá trình học tập

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.  Mục tiêu:**:

 - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích học sinh chú ý đến chủ đề, nội dung sẽ học trong văn bản.

**b. Nội dung:** kết nối để học sinh có những ấn tượng, cảm xúc ban đầu về đến chủ đề, nội dung sẽ học trong văn bản.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tham gia phần khởi động  - HS theo dõi những bức tranh về chủ nghĩa siêu thực    - HS suy nghĩ trả lời một số câu hỏi:  + Những bức ảnh này gợi cho bạn cảm suy nghĩ, cảm xúc gì?  + Em có tưởng tượng hàm ý của tác giả thông qua những bức tranh?  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  - GV tổ chức hoạt động.  - HS xung phong trả lời câu hỏi. Hoặc GV gọi ngẫu nhiên 2-3 HS chia sẻ.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Giáo viên tổng hợp các ý kiến của học sinh và dẫn dắt vào bài học. | Câu trả lời của HS |

**HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết được một số nội dung chính của VB.

– Liên hệ, kết nối với VB Đây thôn Vĩ Dạ, Đàn ghi ta của Lor-ca, Tự do để hiểu rõ hơn về chủ điểm Trong thế giới của giấc mơ.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho các câu hỏi 1, 2, 3 (SGK, tr. 12 – 13)

***c. Tổ chức hoạt động***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***- B1: Giao nhiệm vụ HT:*** Nhóm HS đọc và trả lời 2 câu hỏi (chuẩn bị trước ở nhà)  + Nhóm 1: Văn bản trên đề cập đến những chi tiết nào trong bức tranh *Sự dai dẳng của kí ức.* Đặc trưng và ý nghĩa của các chi tiết đó là gì?  + Nhóm 2: Sự liên kết giữa các hình ảnh hoàn toàn khác biệt, cách xa với nhau trong cùng một không gian cho thấy điều gì về những ám ảnh vô thức trong tâm hồn của tác giả? Liên hệ với tiêu đề của bức tranh, bạn có suy nghĩ gì về thế giới tâm hồn của Đa –li?  ***- B2: Thực hiện nhiệm vụ HT:*** Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ HT.  ***- B3: Báo cáo, thảo luận:*** 1– 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.  ***- B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **Câu 1:** Những chi tiết trong bức tranh Sự dai dẳng của kí ức được đề cập đến trong VB và đặc trưng, ý nghĩa của những chi tiết đó:  – Phong cảnh bờ biển đá và ngọn núi: gợi nhớ ngôi nhà tuổi thơ của hoạ sĩ Đa-li.  – Một sinh vật kì quặc có đôi mắt nhắm nghiền: gợi nhớ về giấc mơ.  – Ba chiếc đồng hồ tan chảy chỉ giờ khác nhau: gợi sự phi lí của thời gian trong những giấc mơ.  – Cây ô-liu cằn cỗi, kiến bâu trên chiếc đồng hồ: biểu tượng của sự phân rã và cái chết.  **Câu 2:** Những sự vật vốn quen thuộc (hàng mi khép, cái cây, bầy kiến, những chiếc đồng hồ kim loại, cái bàn,…) nhưng được liên kết với nhau một cách kì lạ, khác thường trong cùng một không gian tranh gợi cho ta sự liên tưởng đến những ám ảnh đầy hãi hùng về sức mạnh huỷ diệt của thời gian, cái chết và sự tàn lụi của những gì tưởng là vĩnh hằng. Liên hệ với tiêu đề bức tranh, có thể thấy thế giới tâm hồn của Đa-li tràn ngập những lo lắng, sợ hãi. |

**HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** HS  vận dụng kiến thức, kĩ năng trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:**đáp án của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV giao nhiệm vụ: Tìm một bức tranh hoặc một tác phẩm văn học cùng đề tài về kí ức, chẳng hạn như bài Chiếc lá cuối cùng của Hoàng Nhuận Cầm hoặc bài Thời gian của Văn Cao. So sánh cách sử dụng hình ảnh trong tác phẩm đó với bức tranh *Sự dai dẳng của kí ức?*  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát, hướng dẫn HS thực hiện (nếu cần thiết).  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS trả lời theo tổ bằng hình thể, tổ nào nhanh nhất và đồng đều nhất được ghi điểm.  **\*Bước 4:Đánh giá kết quả:**  GV nhận xét, đánh giá. | **Đáp án**  Trong bài thơ *Chiếc lá đầu tiên* của Hoàng Nhuận Cầm, các hình ảnh được sử dụng là những hình ảnh cụ thể, rõ nét, có thực, mang vẻ đẹp trong sáng, tươi trẻ của tuổi thơ: hoa súng tím, chùm phượng hồng, con ve, lớp học, trái bàng,… Trong bài thơ *Thời gian* của Văn Cao, các hình ảnh được sử dụng là những hình ảnh tuy vẫn cụ thể nhưng mang ý nghĩa tượng trưng, tượng trưng cho sự tàn phá của thời gian và sức sống trường tồn của nghệ thuật và tình yêu: chiếc lá khô, tiếng sỏi trong lòng giếng cạn, câu thơ còn xanh, bài hát còn xanh, đôi mắt, giếng nước,… Trong bức tranh *Sự dai dẳng của kí ức* của Đa-li, các hình ảnh được sử dụng là những hình ảnh kì lạ, siêu thực, nối kết những hiện tượng vốn dĩ không thể nối kết: chiếc đồng hồ và sự tan chảy, cây khô và chiếc bàn gỗ, đôi mắt và thân thể như tấm vải, bờ biển đá và chiếc bàn kim loại,… nhằm tạo liên tưởng về sự huỷ diệt của thời gian và những ám ảnh về cái chết |

**HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS giải quyết vấn đề thực tiễn.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV giao nhiệm vụ: Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của bản thân về sự trôi chảy của thời gian đối với cuộc sống mỗi người.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và hoàn thành bài viết ở nhà  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS viết bài cá nhân vào vở  Chia sẻ bài làm với cả lớp. HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  GV nhận xét, đánh giá chốt lại | Bài viết của HS |

**Tiết:**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: *TỰ DO***

**Thời gian: 0,5 tiết**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ, các biện pháp tu từ,…

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm thơ.

- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

**1.2. Năng lực chung**

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

**-** Chăm chỉ, nhân ái, yêu nước.

- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Kết nối internet

- Sách giáo khoa Sách BT Ngữ văn 11 và các tài liệu tham khảo khác

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Sản phẩm của cá nhân/nhóm trong quá trình học tập

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.  Mục tiêu:**:

 - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích học sinh chú ý đến chủ đề, nội dung sẽ học trong văn bản.

**b. Nội dung:** kết nối để học sinh có những ấn tượng, cảm xúc ban đầu về đến chủ đề, nội dung sẽ học trong văn bản.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tham gia phần khởi động  - HS theo dõi câu hỏi.  - HS suy nghĩ trả lời một số câu hỏi:  + *“Cái tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được..., Tổ quốc tôi được...”.*  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  - GV tổ chức hoạt động.  - HS xung phong trả lời câu hỏi. Hoặc GV gọi ngẫu nhiên 2-3 HS chia sẻ.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Giáo viên tổng hợp các ý kiến của học sinh và dẫn dắt vào bài học. | Câu trả lời của HS:  “Cái tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được **tự do,** Tổ quốc tôi được **độc lập**”. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,...

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm thơ.

***b. Sản phẩm:*** Kết quả đọc, câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***- B1: Giao nhiệm vụ HT:*** Nhóm 4 – 6 HS đọc và trả lời 5 câu hỏi (chuẩn bị trước ở nhà)  + Nhóm 1: Xác định chủ thể trữ tình của bài thơ.  + Nhóm 2: Liệt kê các hình ảnh liên kết với hành động “viết tên em” trong mỗi khổ thơ. Trong các hình ảnh đó hình ảnh nào mang ý nghĩa tượng trưng, hình ảnh nào mang ý nghĩa siêu thực?  + Nhóm 3: Trong khổ thơ cuối, hành động “viết tên em” được thay thế bằng hành động “gọi tên em”. Sự thay đổi này có ý nghĩa gì?  + Nhóm 4: Chủ thể trữ tình “bắt đầu lại cuộc đời” với phép màu của “một tiếng” TỰ DO. Theo bạn tại sao tiếng TỰ DO có thể mang đến phép màu đó?  + Nhóm 5: Theo bạn bài thơ thể hiện thông điệp gì? Biện pháp tu từ điệp cấu trúc đã góp phần thể hiện thông điệp đó như thế nào?  ***- B2: Thực hiện nhiệm vụ HT:*** Nhóm 4 – 6 HS thực hiện nhiệm vụ HT.  ***- B3: Báo cáo, thảo luận:*** 1– 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.  ***- B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **Câu 1:** Chủ thể trữ tình của bài thơ là một người suốt đời khao khát tìm kiếm tự do, từ thời thơ ấu đến khi trải qua hết những thăng trầm của cuộc đời.  **Câu 2:** Hành động “viết tên em” được liên kết với những hình ảnh sau:  – Khổ 1 – 2 (trang vở học sinh, bàn học, cây xanh, đất cát, tuyết, trang sách đã đọc, trang vở chưa dùng, đá, máu, giấy, tro tàn): những hình ảnh gắn với việc học tập, vui chơi của tuổi thơ, hành trình học vấn dang dở và những tổn thương, mất mát trong bom đạn chiến tranh.  – Khổ 3 (vàng son, gươm đao, mũ áo vua quan): những hình ảnh gắn với lịch sử dài lâu của đất nước.  – Khổ 4 (sa mạc, rừng hoang, tổ chim, hoa trái): những hình ảnh gắn với thế giới tưởng tượng của trẻ thơ.  – Khổ 5 – 6 – 7 – 8 (điều huyền diệu của đêm, khoanh bánh mì trắng, các mùa, trời xanh, mặt ao rêu mốc phản chiếu mặt trời, trăng trên hồ, hừng đông, tàu thuyền, núi non, mây, bão, mưa): những hình ảnh gắn với cuộc sống con người trưởng thành, từ mộng mơ đến thực tế, từ đẹp đẽ đến tầm thường, từ giông bão đến bình yên,...  – Khổ 9 – 10 – 11 (cây đèn thắp sáng và lụi dần, họ hàng quây quần, nơi trú ẩn tan hoang, ngọn hải đăng đổ nát, bức tường ngao ngán, sức khoẻ phục hồi, hiểm nguy tan biến, hi vọng không vấn vương (nguyên tác: l’espoir sans souvenir, hi vọng không có kí ức)): những hình ảnh gắn với thăng trầm, những hiểm nguy và sự vượt thoát hiểm nguy trong cuộc đời.  Hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng là những hình ảnh cụ thể nhưng đại diện cho những ý niệm triết lí trừu tượng: trang sách tượng trưng cho hành trình học vấn, gươm đao tượng trưng cho những xung đột và chiến tranh trong lịch sử, bánh mì trắng tượng trưng cho cuộc  sống giản dị đời thường,...  Hình ảnh mang ý nghĩa siêu thực là những hình ảnh kết hợp những yếu tố vốn dĩ không thể kết hợp nhằm tạo những liên tưởng bất ngờ về những ám ảnh trong tâm hồn chủ thể (sự kết hợp, đồng hiện các hình ảnh ngày và đêm, quá khứ và hiện tại, thực và hư trong mỗi khổ thơ, chẳng hạn, trang sách đã đọc – trang vở chưa từng – đá – máu – giấy – tro tàn gợi liên tưởng đến cảnh tượng bom đạn tàn phá trường học, làm dang dở những ước mơ học hành của trẻ em; hành động “viết tên em” trên tất cả mọi thứ của cuộc đời mình gợi liên tưởng đến khát vọng không bao giờ tắt trong lòng chủ thể).  **Câu 3:** Hành động “viết tên em” cho thấy chủ thể trữ tình tìm kiếm “em” trong tất cả mọi mảnh vụn nhỏ nhất của đời sống mình đã trải qua, dù có đau thương, tang tóc, tuyệt vọng như thế nào thì chủ thể vẫn không ngừng tìm kiếm “em”, vì biết rằng “em” vẫn luôn hiện diện đâu đó sau những điêu tàn, đổ nát của đời sống.  Hành động “gọi tên em” cho thấy sự tìm kiếm một “em” vắng mặt đã trở thành sự xuất hiện trực tiếp của “em”, để chủ thể có thể xác định rõ ràng và “gọi tên”.  **Câu 4:** Từ TỰ DO được tách ra ở cuối bài, đứng độc lập với các khổ thơ còn lại như một khổ thơ riêng, được nhấn mạnh và khẳng định như một giá trị vĩnh cửu, thiêng liêng, tối cao mà chủ thể trữ tình suốt đời bảo vệ và tôn thờ. Tiếng TỰ DO có thể mang đến phép màu bắt đầu lại cuộc đời cho chủ thể trữ tình, vì ngay từ thời thơ ấu chủ thể đã say mê kiếm tìm tự do như kiếm tìm lẽ sống của đời mình. Niềm tin vào sự hiện diện của tự do đã giúp chủ thể có đủ niềm tin và dũng khí vượt qua mọi thăng trầm, thử thách của cuộc đời.  **Câu 5:** Đặt vào hoàn cảnh nước Pháp bị chiếm đóng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, bài thơ thể hiện thông điệp của tác giả đối với phong trào kháng chiến và với bạn đọc nói chung: Tự do luôn hiện diện dù thực tại có khó khăn, gian nan thế nào đi nữa, và cuối cùng con người sẽ đạt được tự do.  Biện pháp tu từ điệp cấu trúc “Trên … Tôi viết tên em” đã góp phần khẳng định thông điệp đó bằng cách nhấn mạnh nhiều lần cuộc truy tìm kiên trì và quyết liệt của chủ thể trữ tình qua tất cả những giai đoạn, những mảnh vỡ của cuộc đời. Dù cho cuộc đời có thăng trầm thế nào, chủ thể cũng luôn hướng về một mục tiêu duy nhất, không bao giờ thay đổi, đó là “em” – TỰ DO. |

**HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** HS  vận dụng kiến thức, kĩ năng trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:**đáp án của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV giao nhiệm vụ: Hãy xác định mối quan hệ giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát, hướng dẫn HS thực hiện (nếu cần thiết).  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS trả lời theo tổ bằng hình thể, tổ nào nhanh nhất và đồng đều nhất được ghi điểm.  **\*Bước 4:Đánh giá kết quả:**  GV nhận xét, đánh giá. | **Đáp án**  Mối liên hệ giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo: Chủ đề là vấn đề chủ yếu mà tác giả nêu lên trong tác phẩm (ở đây là sức mạnh và giá trị của tự do); tư tưởng là cách nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với vấn đề đó (ở đây là sự ca ngợi, bảo vệ và ủng hộ tự do trong bất kì hoàn cảnh nào dù có đau thương đến đâu); cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mạnh mẽ của tác giả gắn với tư tưởng đó (ở đây là nỗi khao khát và say mê tự do trong những khó khăn, bom đạn chiến tranh và hoàn cảnh đất nước bị chiếm đóng). |

**HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS giải quyết vấn đề thực tiễn.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV giao nhiệm vụ: *Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của tự do đối với mỗi quốc gia dân tộc*  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và hoàn thành bài viết ở nhà  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS viết bài cá nhân vào vở  Chia sẻ bài làm với cả lớp. HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  GV nhận xét, đánh giá chốt lại | Bài viết của HS |

Ngày soạn: 12/6/2024

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …: GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Giúp HS nắm được đặc điểm của Tiếng Việt và nhận thức đượcsự khác biệt của Tiếng Việt với những ngôn ngữ khác.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực đặc thù**

Nhận biết được một số biểu hiện của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

**2.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**3. Phẩm chất**

Thể hiện tình yêu đối với tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**2. Học liệu:**

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**: Kích hoạt được hiểu biết nền về giữ gìn tiếng Việt.

**b. Nội dung:** Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về kiến thức nền và nhiệm vụ cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Xem một bình luận hoặc bài viết trên trang cá nhân có chứa các tiếng lóng. Nhận xét về các sử dụng tiếng Việt trong bài viết hoặc bình luận đó.  (2) Đọc lướt mục *Giữ gìn và phát triển tiếng Việt* (SGK/ tr. 6), trả lời câu hỏi: *Nhiệm vụ học tập mà các em cần thực hiện trong bài học này là gì?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV ghi nhận ý kiến của HS, sau đó, giới thiệu nội dung bài học và nhiệm vụ học tập. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

**b. Nội dung:** Nắm kiến thức ở phần tri thức Tiếng Việt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về một số biểu hiện của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt*.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. NHẬN BIẾT VỀ TIẾNG VIỆT** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS làm phiếu học tập 1  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc *Giữ gìn và phát triển tiếng Việt* (SGK/ tr. 6) và điền vào PHT 1:  **B3. Báo cáo thảo luận:** 1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  (1), (3)GV nhận xét câu trả lời của HS, trên cơ sở đó, hướng dẫn HS khái quát về các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật dựa vào mục *Giữ gìn và phát triển tiếng Việt* (SGK/ tr. 6).  (2) GV khái quát: Các từ chỉ lúa gạo và các món ăn từ lúa gạotrong tiếng Việt vô cùng phong phú. Đây là bằng chứng chứng tỏ dấu ấn văn hoá nông nghiệp được phản ánh trong ngôn ngữ. Tiếng Việt là một bộ phận cấu thành nền văn hoá Việt, do đó, giữ gìn và phát triển tiếng Việt cũng chính là giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá của dân tộc. |  |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1**  **TÌM HIỂU VỀ TIẾNG VIỆT**  1. Tiếng Việt có đặc điểm là: ...........................................................................................................  2. Cho các từ ngữ sau: *lúa*, *thóc*, *cơm*, *cơm nếp*, *xôi*,…  – Tìm thêm các từ ngữ chỉ lúa gạo/ các món ăn từ lúa gạo.  – Nhận xét về sự phong phú của các từ ngữ chỉ lúa gạo/ các món ăn từ lúa gạo trong tiếng Việt.  3. Nêu các biện pháp giữ gìn tiếng Việt:  ........................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được các biểu hiện của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việttrong một số trường hợp cụ thể

**b. Nội dung:** thực hành bài tập

**c. Sản phẩm:** Nội dung thực hiện các bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện các bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 6 (SGK/ tr. 13 – 14).  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm 2 HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện nhóm HS trình bày một câu trả lời cho từng bài tập. Các HS khác bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  *–*GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó, kết luận về những điều cần lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong quá trình thảo luận nhóm.  *–* GV nhận xét nội dung giải quyết các bài tập của HS  **Bài 1 (trang 13 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Màu xanh được miêu tả trong các đoạn thơ sau có gì đặc biệt?  а.  Sao anh không về chơi thôn Vĩ?  Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.  Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc  Lá trúc che ngang mặt chữ điền.  (Hàn Mặc Tử, Đây thôn Vĩ Dạ)  b.  Ta còn em một màu xanh thời gian  Một màu xám hư vô  Chợt nhòe  Chợt hiện  (Phan Vũ, Hà Nội – Phố)  c.  Trời thì xanh như rút ruột mà xanh  Cây thì biếc như vặn mình mà biếc  (Thi Hoàng, Ở giữa cây và nền trời)  d.  Cỏ non xanh rợn chân trời  Cành lê trắng điểm một vài bông hoa  (Nguyễn Du, Truyện Kiều)  **Bài 2 (trang 13 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**  Trong tiếng Việt có những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình: ngân hàng + X (như ngân hàng đề thi,...). Hãy tìm thêm những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình này.  **Bài 3 (trang 13 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Cho câu sau:  Nê-pan (Nepal) có 8 ngọn núi cao nhất thế giới, nối tiếng với các vùng ngoại ô, công viên quốc gia, những cánh rừng tuyệt đẹp, phù hợp với hoạt động thám hiểm, du lịch, đi bộ đường dài (trekking).  (Minh Huyền, Nê-pan cấm du khách trekking một mình, **<https://tuoitre.un/nepal-cam-du-khach-trekking-mot-minh-202303141316296.htm>**)  a. Vì sao người viết lại sử dụng từ trekking mà không phải là một từ ngữ tiếng Việt có nghĩa tương đương trong tiêu đề và bài viết?  b. Tìm thêm những từ ngữ tiếng nước ngoài trong lĩnh vực du lịch.  c. Theo bạn, việc sử dụng những từ ngữ tiếng nước ngoài này có ảnh hưởng đến việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt hay không? Vì sao bạn nhận xét như vậy?  **Bài 4 (trang 14 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Vì sao có nhiều từ ngữ tiếng nước ngoài (như album, email, file,...) được người Việt ưa dùng trong nhiều bối cảnh giao tiếp, trong khi vẫn có giải pháp thay thế (ví dụ: dùng tập ảnh thay cho album, thư điện tử thay cho email, tập tin thay cho file)?  **Bài 5 (trang 14 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**  Xác định nghĩa của từ ngữ được in đậm trong các trường họp sau. Trong các trường hợp này, trường hợp nào từ ngữ được dùng theo nghĩa mới?  a. Nơi đây, vào mùa đông lạnh giá, các dòng sông ***đóng băng*** và những ngọn núi phủ tuyết trắng xóa tạo nên một khung cảnh vô cùng ấn tượng.  b. Đây là nguyên nhân chính khiến cho thị trường bất động sản ***đóng băng***.  **Bài 6 (trang 14 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Chỉ ra sự độc đáo trong cách kết hợp từ ngữ ở đoạn trích sau (chú ý các cụm từ/ câu được in đậm):  **tiếng ghi ta nâu**  bầu trời cô gái ấy  **tiếng ghi ta lá xanh biết mấy**  **tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan**  **tiếng ghi ta ròng ròng**  **máu chảy**  **không ai chôn cất tiếng đàn**  tiếng đàn như cỏ mọc hoang  (Thanh Thảo, Đàn ghi ta của Lor-ca) | **Bài tập 1:** Sự đặc biệt của màu xanh được miêu tả trong các đoạn thơ:  a. Màu xanh: màu của cây cối xanh tốt, màu xanh của sự vật.  b. Màu xanh: màu của thời gian, thời gian vẫn còn nhiều.  c. Màu xanh: màu của bầu trời  d. Màu xanh: màu của sự vật, cây cỏ.  **Bài tập 2:** Những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình *ngân hàng + X: ngân hàng máu*, *ngân hàng tế bào gốc*,…  **Bài tập 3:**  a. Người viết sử dụng từ trekking mà không phải là một từ ngữ tiếng Việt có nghĩa tương đương để chú giải để đảm bảo được tính liên kết, ngắn gọn.  b. Những từ ngữ tiếng nước ngoài trong lĩnh vực du lịch:  - Domestic travel: Du lịch trong nước  - Adventure travel: Du lịch mạo hiểm, dành cho những bạn trẻ thích phiêu lưu  - Kayaking: Loại hình khám phá mà du khách trực tiếp tham gia chèo thuyền, vượt qua các ghềnh thác hoặc khu vực biển.  - Diving tour: Du lịch ngắm san hô, cá, lặn biển  c. Việc sử dụng những từ ngữ tiếng nước ngoài không ảnh hưởng đến việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Vì:  + Thực tế, việc sử dụng các từ ngữ tiếng nước ngoài có thể làm cho tiếng Việt trở nên phong phú và đa dạng hơn.  + Ngoài ra, việc sử dụng các từ ngữ tiếng nước ngoài cũng có thể giúp chúng ta tiếp cận với kiến thức và văn hóa của các quốc gia khác.  + Tuy nhiên, chúng ta cần cân nhắc và sử dụng các từ ngữ này một cách phù hợp và không làm mất đi giá trị của tiếng Việt.  **Bài tập 4:** - Lý do khiến người Việt ưa dùng nhiều từ ngữ tiếng nước ngoài trong giao tiếp là:  + sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, khiến việc tiếp cận và tiêu thụ nội dung nước ngoài trở nên dễ dàng hơn.  + sử dụng các từ ngữ tiếng nước ngoài cũng có thể mang lại sự hiện đại và thời thượng trong giao tiếp.  + một số từ ngữ tiếng nước ngoài cũng có ý nghĩa sâu sắc hoặc không thể tìm thấy từ tương đương trong tiếng Việt, do đó người Việt thường sử dụng chúng để truyền đạt ý nghĩa một cách chính xác và rõ ràng hơn.  **Bài tập 5:**  - Nghĩa từ  đóng băng trong câu a: (nước) kết đọng lại thành tảng lớn ở những nơi có khí hậu rất lạnh.  - Nghĩa từ đóng băng trong câu b: ở trạng thái ngừng hẳn lại, không tiến triển, không hoạt động được do chịu sự tác động nào đó.  - Trường hợp đóng băng trong câu b được dùng theo nghĩa mới.  **Bài tập 6:** Sự độc đáo trong cách kết hợp từ ngữ  - tiếng ghi ta nâu: màu của đất, màu cây đàn, màu làn da,... gợi sự trầm tư, suy nghĩ.  - tiếng ghi ta lá xanh: màu của sự sống, cây cỏ gợi thiết tha, hi vọng.  - tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan: bàng hoàng, tức tưởi.  - tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy: gợi sự đau đớn, nghẹn ngào.  - Không ai chôn cất tiếng đàn: nỗi xót thương cái chết của một thiên tài, xót tiếc cho hành trình cách tân dang dở của Lor-ca và nghệ thuật Tây Ban Nha  → Cách kết hợp từ ngữ giàu hình ảnh (tượng trưng siêu thực) cùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác đã mang lại cho đoạn thơ nhiều màu sắc của tình cảm. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thể hiện được ấn tượng về một vài hình ảnh trong hai bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* và *Đàn ghi ta của Lor-ca* bằng một đoạn văn.

**b. Nội dung:** Thực hành kĩ năng viết

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

**Câu hỏi (trang 14 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Viết một đoạn văn khoảng (150 chữ) về một vài hình ảnh bạn ấn tượng nhất trong hai bài thơ vừa học.

Cá nhân HS viết đoạn theo yêu cầu trong SGK, sau đó đăng lên trang Padlet. Lưu ý đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu về:

– Nội dung: Chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận về một vài hình ảnh trong hai bài thơ vừa học đã để lại cho HS ấn tượng sâu sắc nhất.

– Hình thức: Do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn, độ dài: 150 chữ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Đàn ghi ta của Lor-ca là tiếng lòng đầy ngưỡng mộ cũng như cảm thương cho số phận bất hạnh của người nghệ sĩ thiên tài Lor-ca. Thanh Thảo còn thể hiện xuất sắc hình tượng tiếng đàn - biểu tượng nghệ thuật giàu ý nghĩa. Ta gặp những Tiếng đàn bọt nước, tiếng ghi-ta nâu, tiếng ghi-ta lá xanh, tiếng ghi-ta tròn, tiếng ghita ròng ròng máu chảy, về miền đơn độc, vầng trăng chếnh choáng, chôn cất tiếng đàn, đường chỉ tay, dòng sông rộng... Bằng chính tiếng đàn ghi ta để giãi bày nỗi đau buồn và khát vọng yêu thương của nhân dân mình. Nhiều thi ảnh được tượng trưng hoá, khiến chúng có dạng một hình thể chứa nhiều hình ảnh. Qua tiếng đàn người đọc cũng cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca và biểu tượng nghệ thuật Lor-ca trong mạch cảm xúc và suy tư đa chiều, vừa sâu sắc, vừa mãnh liệt của tác giả. Được cảm nhận từ nhiều góc độ và đa chiều Lorca hiện ra với hình tượng yêu tự do và ông là một nghệ sĩ cô đơn. Bài thơ Đàn ghi ta của Lorca đã làm sống lại huyền thoại về một con người, một nghệ sĩ, một chiến sĩ của đất nước có truyền thống âm nhạc, thi ca.

**B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày sản phẩm đã thực hiện ở nhàvà GV nhận xét, đánh giá vào tiết sau

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

**4. Củng cố:** Một số biểu hiện của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

**5. HDVN:**

- Hoàn thành bài tập vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

**Ngày soạn**: …………………….

**Tiết: PHẦN 3. VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ**

**Thời gian: 02 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Viết văn bản nghị luận về vấn đề xã hội: trình bà rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin, tìm ý

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học

- Năng lực viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước, trung thực, trách nhiệm,…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Kết nối internet

- Sách giáo khoa Sách BT Ngữ văn 11 và các tài liệu tham khảo khác

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Sản phẩm của cá nhân/nhóm trong quá trình học tập

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (Hoạt động xác định nhiệm vụ viết)**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học cần thực hiện.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* HS đọc lướt đề mục phần kĩ năng viếtvà trả lời câu hỏi: *Ở bài học này, bạn sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?* \* Thực hiện nhiệm vụ HT: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.\* Báo cáo, thảo luận: 1 – 2 HS nêu câu trả lời trước lớp.\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS, từ đó, xác nhận lại nhiệm vụ HT: Ở bài học này, HS sẽ học cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. | –Đặc điểm kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.  – Cách viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu các yêu cầu của bài văn nghị luận về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Ôn tập kiến thức nền)**

**a. Mục tiêu:**

- Ôn lại kiểu bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (đã học ở bài 2-Ngữ văn 11, tr55 – Bộ Chân trời sáng tạo).

**b. Nội dung:**

- Kích hoạt kiến thức nền đã học về kiểu bài nghị luận một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

- Hệ thống câu hỏi (theo bảng KWL): *Em hãy hoàn thành hai cột KW về kiểu bài nghị luận một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.*

**c. Sản phẩm:** bảng KWL của học sinh đã hoàn thành hai cột KW

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bảng KWL về kiểu bài NL về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trên phiếu học tập theo nhóm 02 HS  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS hoàn thành bảng KWL hai cột K và W  - GV quan sát lớp, nhắc nhở học sinh tinh thần hợp tác và chủ động.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét (nhóm sau chỉ bổ sung, không nhắc lại trùng ý với nhóm trước)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức (Phần Tri thức về kiểu bài) | **BẢNG KWL**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K**  **Điều đã biết** | **W**  **Điều muốn biết** | **L**  **Điều học được** | | - Khái niệm: Là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ. | Các vấn đề nghị luận nào thường gặp liên quan đến tuổi trẻ? |  | | -Mục đích: Giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó. |  |  | | -Yêu cầu về trình bày: luận điểm rõ ràng, gãy gọn, thể hiện được quan điểm của gười viết.  - Yêu cầu về lập luận: Đưa ra hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ  Có thể phân tích, trao đổi với ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện khách quan cho vấn đề. | Quy trình viết đoạn/ bài nghị luận liên quan quan đến tuổi trẻ? |  | | - Bố cục: bài viết gồm ba phần: MB, TB, KB |  |  | |

**Nội dung 2. Đọc ngữ liệu tham khảo ngữ liệu “ Bạn đang ở đâu trong hành trình khẳng định bản thân ?”**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến giới trẻ

- Yêu cầu hiểu đúng hướng về kiểu bài về văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến giới trẻ

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề liên quan đến giới trẻ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV lần lượt cho HS thực hiện yêu cầu:  Phân tích văn bản: **“ Bạn đang ở đâu trong hành trình khẳng định bản thân ?”**  **Câu 1 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Tìm bố cục của bài viết và xác định vấn đề được bàn luận trong bài viết ?  **Câu 2 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nhận xét cách mở bài và kết bài của bài viết ?  **Câu 3 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết ?  **Câu 4 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Bạn học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ qua bài viết trên ?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và nhận xét.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Phân tích ngữ liệu tham khảo**  **Câu 1 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Tìm bố cục của bài viết và xác định vấn đề được bàn luận trong bài viết ?  **Trả lời:** Bố cục bài viết gồm 3 phần: mở bài (đoạn đầu), kết bài (đoạn cuối), thân bài (các đoạn còn lại). Vấn đề được bàn luận trong bài viết là khẳng định bản thân như thế nào.  **Câu 2 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nhận xét cách mở bài và kết bài của bài viết ?  **Trả lời:** Đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS nêu ý kiến cá nhân.  - Có thể thấy cách mở bài của bài này rất ấn tượng, mở bài bằng cách dẫn hình ảnh của kình ngư Ánh Viên, từ đó, nêu câu hỏi về vấn đề cần bàn luận.  - Ở phần kết luận, người viết dùng hình ảnh tấm bảng chỉ đường để vừa thể hiện quan điểm của người viết đối với vấn đề đã bàn luận đồng thời đề xuất cách khẳng định bản thân.  **Câu 3 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết ?  **Trả lời**: Tuỳ theo đối tượng người học mà GV yêu cầu HS tự vẽ sơ đồ hoặc hướng dẫn HS điền vào sơ đồ khuyết.  Luận điểm 1:  GIÁ TRỊ CỦA BẢN THÂN  Luận điểm 2:  CÁCH KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA BẢN THÂN  Lí lẽ: ………....................................  Bằng chứng: ………........................  Lí lẽ: ………..................................  Bằng chứng: ……………………..  Lí lẽ: ………...................................  Bằng chứng: ……………………..  Lí lẽ: ………...................................  Bằng chứng: ……………………..  **Câu 4 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Bạn học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ qua bài viết trên ?  **Trả lời:**  Đây là câu hỏi mở, HS nêu bài học về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ dựa trên trải nghiệm cá nhân. GV có thể nêu thêm một số câu hỏi để định hướng cho HS:  *– Bạn học được điều gì từ cách mở bài, kết bài?*  *– Bạn học được điều gì từ cách trình bày luận điểm, cách lập luận?*  – .. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (thực hành viết)**

**Nội dung 1. Hoạt động ôn lại quy trình viết bài văn nghị luận**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những thao tác cần làm và lưu ý khi thực hiện quy trình viết kiểu bài thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt các bước của quy trình viết.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \*Giao nhiệm vụ HT: Nhóm 2 HS đọc lướt phần Thực hành viết theo quy trình (SGK/ tr. 19 – 20), sau đó, điền thông tin vào sơ đồ sau: \* *Thực hiện nhiệm vụ HT*: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ. \* Báo cáo, thảo luận: Các nhóm trình bày sơ đồ, cả lớp thảo luận.\* Kết luận, nhận định:Lưu ý: Hoạt động xem lại, chỉnh sửa không phải chỉ thực hiện sau khi viết bài mà cần được thực hiện ở từng bước của tiến trình viết, trong sự đối chiếu với yêu cầu của đề bài để đảm bảo bài viết đáp ứng yêu cầu. |  |

***Nội dung 2. Viết theo quy trình***

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

**c. Sản phẩm:** Quy trình viết VB nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (theo PHT).

**d. Tổ chức thực hiện:**

***1. Chuẩn bị viết***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK về quy trình viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.  GV nêu câu hỏi hướng dẫn, định hướng cho HS chuẩn bị trước khi viết.  - Yêu cầu: HS chọn lựa một trong các đề tài mà SGK giới thiệu:  + Hoà nhập chứ không hoà tan;  + Những xu hướng nghề nghiệp trong tương lai;  + Người trẻ và vai trò công dân toàn cầu.  Lưu ý: Khuyến khích HS tự đề xuất vấn đề dựa trên hứng thú của các em.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT*: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận*: Các nhóm HS trình bày vấn đề đã chọn/ đề xuất. Các nhóm khác trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định*: GV tư vấn cho HS điều chỉnh đề tài phù hợp dựa trên định hướng sau:  - Đề tài cụ thể, gần gũi với HS, liên quan đến tuổi trẻ;  - Đề tài có ý nghĩa với những HS đang sắp tốt nghiệp phổ thông;  - Đề tài đang được nhiều người trẻ quan tâm. | ***1. Chuẩn bị viết***  *- Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc.*  *- Thu thập tư liệu.*  + Hoà nhập chứ không hoà tan;  + Những xu hướng nghề nghiệp trong tương lai;  + Người trẻ và vai trò công dân toàn cầu.  *+ Những tấm gương vượt khó vươn lên trong học tập.*  *+ Học tập có phải là con đường duy nhất đến thành công.*  *+ Có phải lúc nào cũng luôn theo đuổi đam mê.*  *+ Chọn lựa nghề nghệp nghe theo cha mẹ hay tự mình quyết định.* |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý, viết bài**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được các ý cần cho bài viết, lập được dàn ý, viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

***b. Sản phẩm:*** Phiếu tìm ý, dàn ý,bài viết của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT: Nhóm 4 – 5 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:*  **Đề bài:** Viết bài văn nghị luận vềý nghĩa của sự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.  ***Gợi ý:***  **- Tìm ý:** *Luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng.*  *+ Luận điểm của vấn đề nghị luận?Vấn đề cần bàn luận?*  *+ Những lí lẽ, bằng chứng nào làm sáng tỏ luận điểm?*  *+ Có những ý kiến trái chiều nào về vấn đề ? Phản biện ý kiến như thế nào?*  **- Lập dàn ý:**  *- Lập dàn ý: Sắp xếp các ý đảm bảo yêu cầu bố cục, kiểu bài (xem sơ đồ -SGK- Dàn ý bên dưới)*  **-** *Sắp xếp bố cục như thế nào? Trong mỗi phần sẽ triển khai nội dung gì?*  *(1) Điền vào phiếu tìm ý:*  **PHIẾU XÁC ĐỊNH ĐỀ BÀI, NGƯỜI ĐỌC**  Tên nhóm: .........................................................  Đề bài: ..........................................................  Người đọc bài viết này có thể là: .........................................................  Người đọc mong chờ ở bài viết của tôi:  – ..............................................................................................................................................  – ...............................................................................................................................................  (2) Thu thập tư liệu (thực hiện ở nhà hoặc dùng điện thoại thực hiện trên lớp):  - Nội dung tư liệu cần thu thập là:………………  - Cách thu thập tư liệu:…………………………  - Tư liệu từ sách báo: …………………………..  – Tư liệu từ thực tế cuộc sống: ……………….  – Trao đổi hoặc phỏng vấn các bạn trong lớp/ trên mạng xã hội: ………………………….......  + Nội dung phỏng vấn: .....................................  + Số lượng câu hỏi phỏng vấn: ...........................................................................  **PHIẾU THU THẬP TƯ LIỆU**  Tóm lược nội dung các tư liệu đã tìm, gạch đầu dòng các ý cần trình bày, sau đó sắp xếp các ý thành sơ đồ dàn ý. Dàn ý cần đảm bảo các tiêu chí sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Có ít nhất hai luận điểm |  |  | | Mỗi luận điểm cần được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và bằng chứng |  |  | | Sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí. |  |  | | Trình bày dàn ý ngắn gọn, bằng từ/ cụm từ. |  |  |   (3) Ở nhà: Cá nhân HS viết bài dựa trên dàn ý, đối chiếu với bảng kiểm ở Bài 2 trong khi viết.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT*:  (1), (2) Các nhóm HS thực hiện trên giấy A0 (trên lớp).  (3) Cá nhân HS viết bài ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1), (2) Các nhóm trình bày phiếu tìm ý, phiếu thu thập tư liệu, dàn ý trên bảng, cả lớp thảo luận, nhận xét dựa vào tiêu chí đối với dàn ý.  (3) Cá nhân HS sẽ trình bày bài viết trong tiết *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* được tổ chức trên lớp sau khi đã thực hiện bước viết bài ở nhà. \* Kết luận, nhận định: (1) GV góp ý cho phiếu tìm ý của nhóm: sự phù hợp của vấn đề, đối tượng người đọc, loại thông tin mà nhóm đã chọn/ xác định.  (2) GV đánh giá dàn ý của HS dựa trên tiêu chí đã công bố.  (3) GV tổ chức, đánh giá bài viết của cá nhân và phần tự đánh giá/ đánh giá lẫn nhau của HS dựa vào bảng kiểmtrong tiết *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*. | **2. Tìm ý, lập dàn ý, viết bài**  **\* Tìm ý**   * Giải thích: Nỗ lực vươn lên là gì ? * Bàn luận: Ý nghĩa của sự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống:   + Phê phán một số người còn sống ỷ lại, lười biếng thiếu ý chí, không tự phấn đấu, nỗ lực trong cuộc sống.   * Rút ra bài học nhận thức và hành động:   + Liên hệ bản thân  ***\* Lập dàn ý***  **1. Mở bài**  Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.  **2. Thân bài**   * **Giải thích:**   Nỗ lực vươn lên là sự chăm chỉ, cố gắng tối đa cho một mục tiêu cụ thể, là khả năng, ý chí, nghị lực của chính bản thân con người để khắc phục mọi khó khăn nhằm đạt mục đích. Đây là những phẩm chất mà con người cần có để vượt qua được những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.   * Bàn luận: Ý nghĩa của sự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống:   + Mang đến những điều tốt đẹp cho cuộc đời của chính chúng ta.  + Giúp ta tự thân vận động, không ỷ lại vào sự giúp đỡ của người khác.  + Giúp ta có sức mạnh, sẵn sàng đương đầu với thử thách, vượt qua mọi trở ngại, khó khăn.  + Giúp ta đạt được mục tiêu và kế hoạch đề ra, xây dựng được mối quan hệ xã hội tích cực.  + Giúp ta nhận ra những giá trị, những khả năng tiềm ẩn của bản thân, trước nay chưa từng bộc lộ.  + Phê phán một số người còn sống ỷ lại, lười biếng thiếu ý chí, không tự phấn đấu, nỗ lực trong cuộc sống.  **- Bài học**:  + Cần học hỏi liên tục và nỗ lực từng ngày, đặt ra mục tiêu cho bản thân và phấn đấu để đạt được.  + Cần có cái nhìn lạc quan và hướng đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống.  + Liên hệ bản thân  **3. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề, nêu giải pháp.  **\* Viết bài** |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:***

– Nhận xét được cho bài viết của bản thân và HS khác trong lớp.

–Tự nhận ra và điều chỉnh được những hạn chế của bản thân trong quá trình viết.

***b. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm).  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* HS đọc bài của bạn và dùng bút màu góp ý dựa vào bảng kiểm. Đối với các tiêu chí “chưa đạt”, HS ghi chú lí giải, phân tích nguyên nhân. \* Báo cáo, thảo luận:– Đại diện 2 – 3 nhóm đôi HS trình bày kết quả đánh giá lẫn nhau.– 1 – 2 HS đọc bài viết trước lớp và các HS khác nhận xét.\* Kết luận, nhận định: GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS trên hai phương diện:– Những ưu điểm cần phát huy và cần chỉnh sửa trong bài viết của HS.– Cách nhận xét, đánh giá bài viết của HS. |  |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

***b. Sản phẩm:*** Bài học kinh nghiệm của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:Mỗi HS thực hiện 2 nhiệm vụ sau:  (1)HS – vai người viết: Ghi lại những điều sẽ điều chỉnh trong bài viết của mình.  (2) HS – vai người đọc: Ghi lại những bài học rút ra từ bài viết của bạn (những ưu điểm cần học, hạn chế cần tránh).  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* HS lần lượt thực hiện 2 nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*4 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (thực hiện ở nhà)**

***a. Mục tiêu:*** Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình viết.

***b. Sản phẩm:*** Bài viết có sự chỉnh sửa của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:HSđọc lại bài viết của mình lần thứ hai để tự chỉnh sửa. (Phụ lục 1- Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn nghị luận)  Từ đó, hoàn thành bài tập trong phiếu học tập (phụ lục 2)  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT*: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố sản phẩm đã hoàn thành trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục góp ý cho các bài viết dựa trên bảng kiểm. |  |

**Phụ lục 1. Đọc và chỉnh sửa bài viết theo bảng kiểm**

**Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiềm tra** | | **Đạt** | **Không đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| **Thân bài** | Giải thích được vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết. |  |  |
| Nêu được những lí lẽ thuyết phục đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm. |  |  |
| Nêu được những bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ. |  |  |
| Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí. |  |  |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại quan điểm của bản thân. |  |  |
| Đề xuất giải pháp bài học phù hợp. |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người khác** | Có mở bài có kết bài gây ấn tượng. |  |  |
| Sắp xếp luận điểm, lí lẽ bằng chứng hợp lí. |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, rành mạch không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. |  |  |

**Phụ lục 2.**

**PHIẾU HỌC TẬP**

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện lại tri thức về kiểu bài nghị luận về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ **(**Giao bài về nhà).

2. Liệt kê những vấn đề liên quan đến tuổi trẻ vào mẫu.

*Chia lớp thành 3 nhóm (Mỗi nhóm liệt kê 1 chủ đề)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề gia đình** | **Vấn đề trong nhà trường** | **Vấn đề ngoài xã hội** |
| **.......................** |  |  |

***Ví dụ*** *: HS điền vào phiếu của nhóm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề gia đình** | **Vấn đề trong nhà trường** | **Vấn đề ngoài xã hội** |
| **-** Yêu thương, quan tâm, chia sẻ.  - Cách giáo dục, nuôi dạy con cái.  - Bạo lực gia đình.  - Áp lực của gia đình trong thành tích học tập của con  .................. | - Thi cử, bạo lực....  - Đam mê học tập.  - Tầm quan trọng của động cơ học tập ...... | - Giáo dục  - Giao thông................  - Môi trường sống  - Vấn đề khác…  - Phẩm chất: Lòng dũng cảm, ý chí, niềm tin, nghị lực. |

3. Lập dàn ý cho chủ đề: Giải pháp cho vấn đề quản lí thời gian của tuổi trẻ

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận. |
| Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận. |
| **Thân bài** | Giải thích được vấn đề cần bàn luận. |
| Trình bày hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết . |
| Nêu được những lí lẽ thuyết phục đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm. |
| Nêu được những bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ. |
| Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí. |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại quan điểm của bản thân. |
| Đề xuất giải pháp bài học phù hợp. |

Ngày soạn: ………

**NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

– Nói: Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

– Nghe: Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác thể hiện qua kĩ năng thuyết trình, kĩ năng lắng nghe và phản hồi.

**2. Phẩm chất**

Có trách nhiệm với lời nói của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, dụng cụ khác nếu cần.

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

1. ***Mục tiêu:*** Kích hoạt được tri thức nền về cách thuyết trình và tranh luận.
2. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói – nghe và mong muốn của HS khi tham gia tranh luận.

**d*. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* HS điền vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Hai điều mong muốn khi nghe người khác thuyết trình về một vấn đề** | **Hai điều mong muốn về cách người khác trao đổi, tranh luận về bài thuyết trình của mình** | |  |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS trả lời câu hỏi vào bảng phụ, treo lên bảng để cả lớp quan sát.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết ý kiến của HS, từ đó dẫn dắt vào bài học: *Từ những mong muốn của các em liên quan đến kĩ năng thuyết trình và kĩ năng nhận xét, đánh giá bài thuyết trình, chúng ta sẽ học kĩ hơn về các kĩ năng này trong bài học.* | - Câu trả lời của HS |

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN LẠI KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC**

***a. Mục tiêu:*** Nhắc lại được cách thức thực hiện thuyết trình và cách nghe, nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình đã học ở Bài 2.

***b. Nội dung:*** Hs nhớ lại kiến thức đã học ở bài 2 để trả lời câu hỏi.

***c.*** ***Sản phẩm*:** Thông tin điền vào bảng cách thuyết trình và lắng nghe, nhận xét.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* GV yêu cầu mỗi nhóm 2 HS nhớ lại cách thuyết trình và lắng nghe, nhận xét đã học ở Bài 2 và ghi lại ý chính.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*Mỗi nhóm nêu một ý, các nhóm sau không lặp lại ý của nhóm trước. GV ghi vắn tắt ý kiến của các nhóm lên bảng.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ HT của các nhóm, nhắc lại một số cách thuyết trình, lắng nghe và nhận xét mà HS đã học ở Bài 2. | **\*Cách thuyết trình:**  - Bám sát dàn ý và đảm bảo kết cấu của bài thuyết trình.  - Dùng thẻ ghi chú tóm tắt thông tin để dễ theo dõi nội dung khi nói.  - Sử dụng hợp lí các phương tiện ngôn ngữ.  - Chú ý thời gian trình bày, mở đầu và kết thúc ấn tượng, tương tác tích cực với người nghe.  **\*Cách nghe:**  - Nghe, nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói.  - Chú ý những dấu hiệu ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để chọn lọc thông tin, hiểu quan điểm của người nói.  - Ghi chép tóm tắt và sắp xếp thông tin, xác định những điểm thú vị, mới mẻ về nội dung và cách thức thuyết trình.  **\*Cách nhận xét:**  - Đánh giá nội dung: điểm tích cực, mới mẻ, độc đáo, … và hạn chế (nếu có).  - Trao đổi ngắn gọn, rõ ràng về những điều chưa rõ, tránh hỏi quá nhiều hoặc dồn dập, chỉ trích gay gắt; tôn trọng quan điểm của người nói. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động chuẩn bị bài thuyết trình**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được những việc cần chuẩn bị cho hoạt động thuyết trình.

***b. Nội dung:*** HS phác thảo dàn ý cho bài thuyết trình dựa vào phiếu học tập

***c. Sản phẩm***: Kết quả chuẩn bị bài thuyết trình của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gọi HS đọc đề tài SGK trang 20 *Trường bạn tổ chức buổi tọa đàm về chủ đề: Toàn cầu hóa và những thách thức đặt ra đối với đất nước trong giai đoạn hiện nay.* Yêu cầu HS xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng nghe, không gian và thời gian nói.  *\* Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 6 HS thực hiện những nhiệm vụ sau:  (1) Chọn một trong ba đề tài đã nêu trong SGK hoặc chọn một đề tài khác.  (2) Tìm tư liệu.  (3) Phác thảo dàn ý cho bài thuyết trình dựa vào phiếu học tập  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ HT*: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.  \* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm HS khác trao đổi, góp ý (nếu có).  \* *Kết luận, nhận định*: GV nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **1. Chuẩn bị nói**  ***a. Nội dung phần chuẩn bị nói.***  \* Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng nghe, không gian và thời gian nói.  \* Tìm ý và lập dàn ý. (Phiếu học tập)  - Giải thích và nêu các biểu hiện của vấn đề.  - Lí giải vì sao vấn đề là thách thức hay cơ hội:  + Lí lẽ:  + Bằng chứng:  - Giải pháp nắm bắt cơ hội, khắc phục/ đối phó với thách thức |

**PHIẾU HỌC TẬP: CHUẨN BỊ BÀI NÓI**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC**

Tên đề tài thuyết trình: ..............................................................................................

**\*Xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói**

Tôi thực hiện bài nói này nhằm mục đích: …………………………………..

Người nghe là: …………………………………………………………………

Không gian, thời gian nói: …………………………………………………….

Tôi sẽ chọn cách thuyết trình: …………………………………………………

\***Lập dàn ý:**

Giải thích và nêu biểu hiện của vấn đề: .......................................................................

Lí giải vì sao vấn đề là thách thức hay cơ hội:

– Lí lẽ: ...................................................................................................................

– Bằng chứng: .......................................................................................................

Giải pháp nắm bắt cơ hội, khắc phục/ đối phó với thách thức:

.....................................................................................................................................

Dự kiến sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu, clip:

..................................................................................................................................... **\*Luyện tập:**

- Những cách trình bày bài nói hấp dẫn: …………………………………………….

- Dự kiến phần mở đầu: ……………………………………………………….

- Dự kiến phần kết thúc: ……………………………………………………….

**2. Hoạt động thực hành nói và nghe**

***a. Mục tiêu:***

– Thuyết trình được một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

– Nghe, nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

***b. Nội dung:*** HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị bài thuyết trình, quay clip thuyết trình trao đổi, tranh luận về chủ đề.

***c. Sản phẩm:***

–HS đóng vai người nói: Bài thuyết trình, nội dung và thái độ trao đổi, tương tác với người nghe.

– HS đóng vai người nghe: Nội dung ghi chép trong khi nghe, ý tưởng/ câu hỏi muốn trao đổi lại với người nói, nội dung và thái độ khi nhận xét, trao đổi với người nói.

***d.Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* Thực hiện ở nhà: Nhóm 6 HS được chia 2 nhóm nhỏ:  (1) 3 HS đóng vai người nói: Thực hiện bài thuyết trình theo hướng dẫn ở *Bước 2. Trình bày bài nói* (SGK/ tr. 21);  3 HS đóng vai người nghe: Thực hiện theo hướng dẫn của *Bước 2. Nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình* ở Bài 2.  (2) Quay clip thuyết trình trao đổi, tranh luận (độ dài của clip khoảng 15 phút) sau đó đăng lên trang web học tập của lớp.  Lưu ý: Khi thực hiện hoạt động, HS cần đối chiếu với bảng kiểm(Bài 2, SGK, tập một, tr. 64 – 65) để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đạt yêu cầu  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1) 🡪 (2).  *\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:* GV và các nhóm xem clip của nhóm bạn, góp ý dựa trên bảng kiểm (Bài 2, SGK, tập một, tr. 64 – 65). | Clip thuyết trình trao đổi, tranh luận về chủ đề: Toàn cầu hóa và những thách thức đặt ra đối với đất nước trong giai đoạn hiện nay. |

**3. Hoạt động đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Tự đánh giá và đánh giá được kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

***b. Nội dung:*** Bài học rút ra được sau khi trao đổi về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

***c. Sản phẩm:*** Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:*  - Theo em, nhiệm vụ của người nói trong bước trao đổi, đánh giá là gì?  - Đọc bảng kiểm (phía dưới) để tìm hiểu các tiêu chí đánh giá kĩ năng thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước, xác định những vấn đề chưa rõ cần được giải thích thêm. Bảng kiểm này nên được sử dụng như thế nào cho hiệu quả?  - GV yêu cầu HS đặt câu hỏi về những nội dung các em chưa rõ trong quy trình nói  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS trình bày bài học đã rút ra, GV ghi ý kiến của HS lên bảng.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên các phương diện: những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách thực hiện kĩ năng nói và nghe; cách nhận xét, đánh giá và tự đánh giá của HS.  - Giải đáp câu hỏi của HS (nếu có). | \* **Trao đổi:**  **-** Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.  - Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.  \* **Đánh giá**: Dựa vào bảng kiểm GV cung cấp, hãy tự đánh giá phần trình bày của chính mình và góp ý cho bạn. |

**Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| ***Mở đầu*** | Người thuyết trình chào người nghe và tự giới thiệu. |  |  |
| Giới thiệu vấn đề thuyết trình |  |  |
| Nêu khái quát nội dung bài thuyết trình |  |  |
| ***Nội dung chính*** | Giải thích được khái niệm và các biểu hiện của vấn đề |  |  |
| Phân tích được vấn đề |  |  |
| Trình bày được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ các luận điểm. |  |  |
| Rút ra được ý nghĩa, bài học cụ thể, thiết thực về nhận thức và hành động liên quan đến vấn đề. |  |  |
| ***Kết thúc*** | Tóm tắt và khẳng định được nội dung thuyết trình |  |  |
| Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. |  |  |
| Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| ***Kĩ năng thuyết trình, tương tác với nghe*** | Sắp xếp các ý hợp lí |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu |  |  |
| Trình bày chân thành, tác động đến người nghe |  |  |
| Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung thuyết trình |  |  |
| Mở đầu/ kết thúc gây ấn tượng |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói |  |  |
| Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

**Bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Chuẩn bị nghe** | Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình |  |  |
| **Trong khi nghe** | Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình |  |  |
| Ghi chép tóm tắt nội dung bài thuyết trình bằng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý. |  |  |
| Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị |  |  |
| Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình. |  |  |
| Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận. |  |  |
| **Sau khi nghe** | Sử dụng kĩ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế về nội dung và cách thức thuyết trình. |  |  |
| Lịch sự, tích cực khi trao đổi (chờ đến lượt, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi, tôn trọng quan điểm người nói) |  |  |
| Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi. |  |  |

**D. HOẠT ĐỘNG GIAO BÀI TẬP ÔN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện phần ôn tập tại nhà theo hướng dẫn trong SGK/ tr. 22.

***b. Nội dung:***HS thực hiện các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, 6 (SGK/ tr. 22).

***c. Sản phẩm:*** Kết quả thực hiện các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, 6 (SGK/ tr. 22).

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \* *Giao nhiệm vụ HT*:Ở nhà, cánhân HS chuẩn bị cho 6 câu hỏi ở phần *Ôn tập*.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  ***\**** *Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:*GV tổ chức đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS ở tiết *Ôn tập*. | Bài làm của HS |

Ngày dạy:

Tiết:…..

## **ÔN TẬP**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**
2. **Kiến thức**

* HS nắm được những thông tin cơ bản về văn bản đã học trong chủ đề
* Nắm được những kĩ năng cơ bản của phần viết, phần nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận*.*

- Năng lực tiếp thu tri thức, nắm được các yêu cầu đối với các dạng bài.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SGV Ngữ văn 12, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi kiến thức nền, tạo tâm thế để học sinh bước vào giờ học hiệu quả.

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời kiến thức liên quan đến chủ đề đã học.

**c. Tổ chức hoạt động:** Tổ chức trò chơi *“Ai nhanh hơn”, “Ai nhớ hơn”*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **\*Giao nhiệm vụ:**  **- GV** yêu cầu HS đọc kĩ mỗi câu câu hỏi trên màn hình chiếu.  **-**Thời gian:30 giây/ một câu hỏi  **\*Thực hiện nhiệm vụ:**  -Tham gia trò chơi nhiệt tình  **\*Báo cáo kết quả:**  **\*Đánh giá kết quả:**  - Học sinh và giáo viên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cặp đôi tham gia.  - GV chốt kiến thức và chuyển dẫn vào nội dung ôn tập |  |

**Câu hỏi “Ai nhanh hơn”**

**Câu 1: Câu thơ nào trong bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử có sử dụng yếu tố siêu thực?**

**A.** Mơ khách đường xa khách đường xa

**B.** Sao em không về chơi thô Vĩ

**C.** Lá trúc che ngang mặt chữ điền

**D.** Gió theo lối gió mây đường mây

**Câu 2. Hình ảnh *“tiếng ghi ta nâu”* là hình ảnh biểu tượng cho:**

**A**. Số phận thảm khốc, cái chết đầy đau đớn của Lor – ca

**B.** Biểu trưng cho tình yêu, cuộc sống mãnh liệt

**C.** Sự nghiệp dang dở của Lor – ca

**D.** Biểu trưng cho những con đường, những mảnh đất Tây Ban Nha

**Câu 3: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau đây:**

*“Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng*

*Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?”*

**A.** Câu hỏi tu từ, điệp từ

**B.** Câu hỏi tu từ, ẩn dụ, điệp từ

**C.** Câu hỏi tu từ, điệp từ, nhân hóa

**D.** Câu hỏi tu từ, ẩn dụ, nhân hóa

**Câu hỏi “Ai nhớ hơn”**

Yêu cầu học sinh nhắc lại các tri thức ngữ văn đã học trong chủ đề

**- Siêu thực** là sự kì lạ, khác thường, phá vỡ những quy luật thông thường của thế giới thực tại, gợi nhắc đến sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ và của những ám ảnh vô thức.

- **Hình tượng** là những hình ảnh, nhân vật được xây dựng một cách sống động, sáng tạo trong tác phẩm, vừa phản ánh đời sống vừa thể hiện quan niệm, tư tưởng và ý đồ, tài năng nghệ thuật của người nghệ sĩ.

**- Biểu tượng** là một loại hình ảnh đặc biệt, thông qua hình thức cụ thể, trực quan để gọi lên những tư tưởng, triết lí có ý nghĩa sâu xa.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIÉN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố lại kiến thức.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS ôn tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nhắc lại kiến thức chung và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV– HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Câu 1**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Câu 1**. Sự khác nhau giữa các yếu tố tượng trưng và siêu thực trong thơ. Nêu ví dụ cụ thể về hai yếu tố này trong cách bài thơ đã học ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **Câu 1**  – Yếu tố siêu thực: Những kết hợp hình ảnh, từ ngữ kì lạ, vốn dĩ khó liên kết với nhau, tạo nên một thế giới khác lạ, nhằm gợi nhắc sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ, ẩn ức sâu trong vô thức.  – Yếu tố tượng trưng: Những hình ảnh biểu đạt cho những triết lí sâu xa, những ý niệm trừu tượng.  - Ví dụ: những yếu tố siêu thực trong thơ Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Lor-ca, Thanh Thảo, những yếu tố tượng trưng trong thơ Bích Khê, Mai Văn Phấn, Văn Cao,… |
| **Nhiệm vụ 2: Câu 2**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho HS**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Câu 2:** So sánh các văn bản *Đây thôn Vĩ Dạ, Đàn ghi ta của Lor-ca, Tự do* về những phương diện sau: (Hình ảnh, biểu tượng, yếu tố siêu thực, đặc sắc nghệ thuật, chủ đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **Câu 2:** So sánh các văn bản *Đây thôn Vĩ Dạ, Đàn ghi ta của Lor-ca, Tự do* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Hình ảnh, biểu tượng** | **Yếu tố siêu thực** | **Đặc sắc nghệ thuật** | **Chủ đề** |
| *Đây thôn Vĩ Dạ* | Hình ảnh: *nắng, vườn, lá trúc, mặt chữ điền*; *gió, mây chia lìa, dòng nước, hoa bắp, thuyền chở trăng*; *khách đường xa, áo trắng, sương khói*;… | Sự kết hợp của những hình ảnh xa nhau tạo liên tưởng bất ngờ: Hình ảnh vườn buổi sớm, bến sông đêm khuya và một nơi chốn “ở đây” không xác định. | – Thể thơ thất ngôn mang màu sắc cổ điển, nhịp thơ chậm.  – Câu hỏi tu từ. | Niềm thương nhớ của tác giả về vùng đất, con người thôn Vĩ, dự cảm xót xa, lo âu về sự chia lìa trong tình yêu. |
| *Đàn ghi ta của Lor-ca* | – Hình ảnh: *bọt nước*, *áo choàng đỏ*, *vầng trăng*, *yên ngựa*, *Lor-ca bị bắn*, *tiếng ghi-ta nâu*,...  – Biểu tượng: tiếng đàn (đại diện cho sức sống bất diệt của nghệ thuật và những nỗi đau bất tận trong tâm hồn nghệ sĩ). | Sự kết hợp của những hình ảnh xa nhau tạo liên tưởng bất ngờ: *buổi sáng* – *vỡ* – *bình yên*; *mũi tên* – *vô đích*; *hoàng hôn* – *thiếu vắng ban mai*; *hạt cát miền Nam bỏng rát* – *xót xa than lạnh giá sắc sơn* *trà*,… | – Thể thơ tự do, câu ngắn, nhịp linh hoạt nhanh, chậm, mô phỏng cảm xúc của chủ thể từ bàng hoàng, đau xót đến bình tĩnh, chiêm nghiệm.  – Điệp thanh, mô phỏng tiếng đàn (*li-la*…). | Niềm tiếc thương, xót xa của nhà thơ Thanh Thảo đối với cái chết của Lor-ca, niềm tin vào sự bất diệt của Lor-ca nói riêng, nghệ thuật nói chung. |
| *Tự do* | – Hình ảnh: *trang vở, bàn học, đất cát, tuyết, trang đã đọc, trang chưa dùng, đá, máu, giấy*,...  – Biểu tượng: cái tên, hành động viết tên (đại diện cho bản chất và khao khát kiếm tìm bản chất),… | Sự kết hợp của những hình ảnh xa nhau tạo liên tưởng bất ngờ: *trang vở* và *bàn học*, *đất cát*, *tuyết*; *trang sách*, *đá*, *máu giấy*, *tro tàn*,… (tất cả các khổ thơ). | – Thể thơ tự do, câu ngắn, nhịp mạnh.  – Điệp cấu trúc: *“Trên … Tôi viết tên em”* liên tục suốt bài thơ. | Sức mạnh và giá trị của tự do. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 2: Câu 3**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho HS**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Câu 3:** Yếu tố siêu thực có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm thơ trữ tình, đồng thời đặt ra thử thách gì đối với người đọc?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **Câu 3:** Yếu tố siêu thực đặt ra thử thách lớn đối với người đọc vì những chi tiết lạ lùng, bí ẩn xuất hiện trong tác phẩm vốn không dễ lí giải, rất khó tìm kiếm mối liên hệ giữa những hình ảnh vốn dĩ cách xa nhau trong đời sống thực. Tuy nhiên, yếu tố siêu thực có khả năng kích thích sự liên tưởng mạnh mẽ của người đọc, dẫn dắt họ từ những chi tiết lạ lùng, bí ẩn đó đến với những ám ảnh sâu xa trong tâm hồn chủ thể trữ tình. |
| **Nhiệm vụ 2: Câu 4**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho HS**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **- Câu 3:** Tìm những từ ngữ mới xuất hiện gần đây được cấu tạo trên cơ sở các từ ngữ sau: *ngân hàng*, *hút bụi*, *nhân tạo*, *thông minh*, *đồng hồ*, *rô-bốt*, *trực tuyến*, *đề thi*, *dạy học*, *trí tuệ*, *điện thoại.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét | **Câu 4:**   |  |  | | --- | --- | | - Ngân hàng | -Ngân hàng đề thi | | - Hút bụi | - Rô- bốt hút bụi. | | - Nhân tạo | - Trí tuệ nhân tạo | | - Thông minh | *-* Máy tính thông minh | | - Đồng hồ | *-* Đồng hồ thông minh | | - Rô-bốt | - Rô- bốt hút bụi. | | - Trực tuyến | - Thi trực tuyến | | - Đề thi | - Đề thi online | | - Dạy học | - Dạy học trực tuyến | |
| **Nhiệm vụ 2: Câu 5**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho HS**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **- Câu 5:** Bạn rút ra những lưu ý hoặc kinh nghiệm gì khi:  a. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ?  b. Thuyết minh về một vấn đề liên quanđến cơ hội và thách thức đối với đất nước?  **Câu 3:** Yếu tố siêu thực có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm thơ trữ tình, đồng thời đặt ra thử thách gì đối với người đọc?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét | **Câu 5:** Học sinh trình bày |
| **Nhiệm vụ 2: Câu 6**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho HS**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ. * **Câu 6:**   Thiết kế một tấm thẻ ghi lại những điều cần lưu ý khi thuyết trình về một vấn đề và cách lắng nghe, trao đổi, nội dung, cách thức thuyết trình?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét chốt ý, kết thúc tiết học | **Câu 6.** Học sinh trình bày sản phẩm |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.

- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả

**- Chuẩn bị bài:** .....